

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU TÂN BIÊN (RTB)**

Số: 522 /CSTB-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 24 tháng 05 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

**Tên viết tắt: TBRC**

**Mã chứng khoán: RTB**

**Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 2, Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,  
tỉnh Tây Ninh**

**Điện thoại: (0276) 3875266**

**Fax: (0276) 3875307**

**Website: www.tabiruco.vn**

**Người được ủy quyền CBTT: NGUYỄN TRẦN THIÊN PHÚC**

**Chức danh: Nhân viên phòng Tài chính kế toán**

**Điện thoại: 0906797981**

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ       24h       Bất thường       Theo yêu cầu       Khác

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty CPCS Tân Biên thông báo về việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 gửi các cổ đông Công ty. Theo đó:

- Thời gian tổ chức: 8h00, thứ sáu ngày 23/06/2023.

- Địa điểm tổ chức: Công ty cổ phần Cao su Tân Biên, Tổ 2, Ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh.

- Nội dung đại hội: Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được Công ty đăng tải tại website: **www.tabiruco.vn** từ ngày 24/05/2023 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/05/2023 tại đường dẫn **http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/**

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Trần Thiên Phúc**





## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh.  
ĐT: 0276 3875 193 - Fax: 0276 3875 307 - Website: www.tabiruco.vn

Tây Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2023

### THƯ MỜI HỌP

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Cao su Tân Biên**

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Họp Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

- Thời gian Tổ chức đại hội:** 8h00, Thứ sáu - ngày **23/06/2023** (đón khách từ 7h00)
- Địa điểm:** Công ty cổ phần Cao su Tân Biên, Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh
- Nội dung đại hội:**  
Tài liệu nội dung ĐHCĐ thường niên 2023 được Công ty đăng tải tại website: [www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn) từ ngày **24/05/2023** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự ĐHCĐ.
- Đăng ký dự họp:**  
Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng **Đăng ký dự ĐHCĐ** tại Văn Phòng Công ty cổ phần Cao su Tân Biên hoặc gửi **Giấy đăng ký tham dự ĐHCĐ** về địa chỉ dưới đây **trước 14h00 ngày 22/06/2023**.
- Ủy quyền tham dự đại hội:**  
Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự ĐHCĐ, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu **Giấy ủy quyền dự ĐHCĐ** và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây **trước 14h00 ngày 22/06/2023** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự ĐHCĐ.  
(*Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền.*)

**6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

**Công ty cổ phần Cao su Tân Biên**

- Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: 0276 3875 266 - Fax: 0276 3875 307

**Liên hệ:** Bà Nguyễn Trần Thiên Phúc – Điện thoại: 0906 797 981

**Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự ĐHCĐ vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (Nếu có);
- Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu.

**Ghi chú :**

- Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CPCS Tân Biên có thể thay đổi theo quy định và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp này, Công ty sẽ có thông báo cụ thể và mong nhận được sự thông cảm, hỗ trợ từ Quý cổ đông)
- Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của Chính phủ và Ban tổ chức Đại hội.

- Thư mời này có thể sử dụng trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (bản giấy có đóng mộc đỏ) của Công ty CPCS Tân Biên.

(*Các cổ đông/người được ủy quyền dự ĐHCĐ tự thanh toán chi phí đi lại và bố trí nơi ăn, nghỉ*)

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Trân trọng !



Lê Thị Bích Lợi





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

\*\*\*\*\*

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN  
THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**Kính gửi: Công ty cổ phần Cao su Tân Biên**

Tên cổ đông: .....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ..... cổ phần

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

**1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP**

**2. ỦY QUYỀN CHO BÊN NHẬN ỦY QUYỀN DƯỚI ĐÂY**

Bên nhận ủy quyền: ..... MSCĐ (nếu có) .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
01	Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	<input type="checkbox"/>	
02	Ông Trương Văn Cư	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
03	Ông Dương Tấn Phong	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
04	Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	
05	Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) hoặc dấu (✓) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên).

**Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại cuộc Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại cuộc Họp Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Tân Biên và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

**Lưu ý:**

- Bên nhận ủy quyền phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi cuộc Họp Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên kết thúc.

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Cổ đông/Bên ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**Bên nhận ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)





## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu - Tây Ninh.

ĐT: 0276 3875 193 - Fax: 0276 3875 307 - Website:

[www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn)

# DANH MỤC TÀI LIỆU ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2023



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
3. Báo cáo tình hình quản trị Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nhiệm vụ của thành viên HĐQT trong năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2023;
4. Báo cáo tự đánh giá, tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023;
5. Báo cáo hoạt động của Ban TGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023;
6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.
7. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2023;
8. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và kế hoạch tiền lương năm 2023;
9. Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
10. Tờ trình về việc xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất chai PET, nước uống đóng chai.
11. Tờ trình về việc sử dụng Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho người lao động.
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
14. Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
15. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh.  
ĐT: 0276 3875 193 - Fax: 0276 3875 307 - Website: www.tabiruco.vn

### CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

(Bắt đầu lúc 08h00 ngày 23 tháng 6 năm 2023)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
7h00 – 8h00	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;</li><li>- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu họp ĐHĐCĐ.</li></ul>	Ban tổ chức
8h00 – 8h10	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông;</li><li>- Tuyên bố lý do;</li><li>- Giới thiệu &amp; Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu;</li><li>- Giới thiệu Ban thư ký.</li></ul>	Ban tổ chức
8h10 – 8h20	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Quy chế làm việc;</li><li>- Thông qua chương trình làm việc.</li></ul>	Đoàn Chủ tịch
8h20 – 9h00	<b>Các báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2022, KH năm 2023.</li><li>- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2022, KH năm 2023.</li><li>- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022, KH năm 2023 của Ban TGD.</li></ul>	Chủ tịch HĐQT
		Đại diện BKS
		Tổng Giám đốc
9h00 – 9h30	<b>Nội dung tờ trình:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.</li><li>- Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2023.</li><li>- Tờ trình tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2023.</li><li>- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.</li><li>- Tờ trình xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất phối chai PET, nước uống đóng chai.</li></ul>	Đoàn Chủ tịch



Thời gian	Nội dung	Chủ trì
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc sử dụng Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho Người lao động.</li> <li>- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</li> <li>- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</li> </ul>	
9h30- 10h00	- Phát biểu của đại diện cổ đông lớn Tập đoàn CNCsvn	<b>Đoàn Chủ tịch</b>
10h00- 10h20	<b><i>Đại hội thảo luận các nội dung, biểu quyết thông qua nội dung đệ trình của HĐQT</i></b>	<b>Đoàn Chủ tịch</b>
10h20 – 10h40	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu quyết thông qua các báo cáo và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</li> <li>- Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu;</li> <li>- Cổ đông thực hiện bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu.</li> </ul>	<b>Đoàn Chủ tịch</b>  <b>Ban kiểm phiếu</b>
10h40 – 10h50	<b>Đại hội giải lao – kiểm phiếu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban kiểm phiếu làm việc</li> </ul>	<b>Ban kiểm phiếu</b>
10h50 – 11h00	<b>- Công bố kết quả kiểm phiếu</b>	<b>Ban kiểm phiếu</b>
11h00 – 11h15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;</li> <li>- Biểu quyết thông qua - Tuyên bố bế mạc Đại hội.</li> </ul>	<b>Ban Thư ký /</b> <b>Đoàn Chủ tịch</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu - Tây Ninh  
ĐT: 0276 3875 193 Fax: 0276 3875 307 Website : www.tabiruco.vn

# QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN NĂM 2023

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 - Công ty cổ phần Cao su Tân Biên được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

### **Điều 1. Mục đích**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

### **Điều 2. Đối tượng và phạm vi**

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Tân Biên đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt**

- Công ty : Công ty cổ phần Cao su Tân Biên
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

### **Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**



- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày **18/5/2023** đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự tại Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
- Ghi chú: Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 của Chính phủ, khuyến cáo của Bộ y tế và Ban tổ chức Đại hội.

#### **Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông/ không được nhận uỷ quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

## **Điều 7. Đoàn Chủ tịch**

- Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch đoàn và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
  - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
  - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

## **Điều 8. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tịch đoàn chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
  - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
  - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
  - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
  - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
  - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

## **Điều 9. Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít



nhất 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

#### **Điều 10. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Chủ tịch đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
  - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký;
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

#### **Điều 11. Thảo luận tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:
  - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
  - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội;
  - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;
  - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
  - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tịch đoàn hoặc thành viên do Chủ tịch đoàn chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
  - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

#### **Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

1. Nguyên tắc:
  - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
  - Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.
- 2. Cách thức biểu quyết:
  - Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
  - Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
  - Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- 3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết
  - Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho

phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
  - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
  - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### 4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 18/5/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: 87.945.000 cổ phần tương đương với 87.945.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Điều 148, Luật doanh nghiệp 2020).

#### 5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản và Nghị quyết hợp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.



#### **Điều 14. Thi hành Quy chế**

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.*

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số:...../BC-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình quản trị Công ty, Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT trong năm 2022 và triển khai phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2023**

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty về các quyền và nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo nhiệm vụ của từng thành viên được phân công phụ trách và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

#### **Phần I**

### **TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2022**

#### **I. Đặc điểm tình hình:**

Năm 2023, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế thế giới với nhiều biến động phức tạp, nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu. Đặc biệt xung đột giữa Nga - Ukraina, cấm vận thương mại giữa các nước lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi sản xuất – kinh doanh toàn cầu, giá cả vật tư nguyên vật liệu trong nước tăng cao, khó khăn về tiếp cận nguồn vốn do chính sách thắt chặt tín dụng của nhà nước để kiểm soát lạm phát,... gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành SXKD của các doanh nghiệp trong nước nói chung và tại Công ty nói riêng.

Trong bối cảnh đó, Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh động của Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của toàn thể Cán bộ công nhân viên, người lao động, Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

#### **II. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty:**

##### **1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ TV.HĐQT độc lập NK 2021-2026	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch	24/6/2021	
02	Ông Trương Văn Cư	Thành viên điều hành	24/6/2021	

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT/ TV.HĐQT độc lập NK 2021-2026	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
03	Ông Dương Tấn Phong	Thành viên điều hành	24/6/2021	
04	Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên không điều hành	24/6/2021	
05	Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên Độc lập	24/6/2021	

## 2. Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Bà Lê Thị Bích Lợi	5/5	100%	
02	Ông Trương Văn Cư	5/5	100%	
03	Ông Dương Tấn Phong	5/5	100%	
04	Ông Lâm Thanh Phú	5/5	100%	
05	Ông Đỗ Quốc Tuấn	5/5	100%	

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong năm 2022, hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành thông qua việc yêu cầu Ban điều hành thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đề ra. Hằng tháng HĐQT tham gia họp giao ban cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, nắm bắt thông tin kết quả thực hiện các nghị quyết, chủ trương. Hằng quý HĐQT tổ chức họp đúng theo quy định và yêu cầu Ban điều hành báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã soát xét, kiểm toán để HĐQT nắm và có ý kiến chỉ đạo.

## 4. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban Kiểm soát Công ty xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 gửi Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kế hoạch để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mọi hoạt động SXKD tại Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp cho chủ sở hữu:

- Trong mỗi đợt kiểm tra, giám sát điều lập kế hoạch thông báo và có báo cáo kết quả thực hiện gửi Công ty và Tập đoàn định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm theo quy định và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.



- Ban Kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ luôn giữ tinh thần trung thực, khách quan và cần trọng luôn đôn đốc, nhắc nhở; đóng góp các ý kiến theo từng lĩnh vực mà ban quản lý điều hành thực hiện. Bên cạnh đó luôn giữ gìn bảo mật các thông tin và giữ gìn tốt mối đoàn kết nội bộ trong Công ty nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chung của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 đã đề ra.

#### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý vốn Chủ sở hữu, quản lý phân vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình; tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban Công ty, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu, cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu; các kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc xem xét, giải trình thỏa đáng.

### **III. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:**

#### **1. Thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2022**

##### **1.1 Công tác sản xuất:**

- Diện tích cao su khai thác: 2.576,53 ha.
- Diện tích cao su KTCB: 2.780,05 ha.
- Diện tích cao su thanh lý: 358,76 ha.
- Diện tích cao su tái canh: 192,97 ha.

- Tổng sản lượng cao su khai thác đạt 3.420,6 tấn, đạt 109,63% so với kế hoạch năm 2022 (3.120 tấn). Trong đó:

+ Sản lượng cao su Công ty tự khai thác: 2.699,6 tấn.

+ Sản lượng cao su Công ty nhượng quyền bên ngoài khai thác: 721 tấn.

- Sản lượng thu mua mủ cao su nguyên liệu bên ngoài đạt 1.581,4 tấn đạt 131,78% so với kế hoạch là 1.200 tấn.

- Sản lượng thu mua hàng hóa cao su: 13.219/7.000 tấn, đạt 188,8% kế hoạch.

- Tổng sản lượng cao su chế biến năm 2022 (từ mủ Công ty khai thác và thu mua) đạt 4.335 tấn đạt 120,45% so với kế hoạch năm 3.599 tấn. Trong đó:

+ Chế biến mủ cao su Công ty khai thác: 2.766 tấn

+ Chế biến mủ thu mua: 1.569 tấn

##### **1.2. Công tác kinh doanh:**

- Tổng sản lượng cao su tiêu thụ của Công ty năm 2022 đạt 16.144 tấn cao su các loại, đạt 146,76% so với kế hoạch năm là 11.000 tấn. Trong đó:

+ Nội tiêu được: 9.108,11 tấn.

+ Xuất khẩu được: 7.035,84 tấn. Kim ngạch xuất khẩu được 11,526 triệu USD.

- Giá bán tiêu thụ cao su bình quân là 38,73 triệu đồng/tấn, đạt 103,91% so với giá bán kế hoạch là 37,27 triệu đồng/tấn.

- Tổng doanh thu trong năm 2022: 778,86 tỷ đồng đạt 146,9% so với kế hoạch năm là 530,010 tỷ đồng. Trong đó:

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh cao su là 625,267 tỷ đồng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính là: 12,878 tỷ đồng.

+ Doanh thu sản phẩm khác là: 1,373 tỷ đồng

+ Doanh thu hoạt động khác là: 139,342 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ bán cây cao su thanh lý là 119,873 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 137,846 tỷ đồng, đạt 113,08% kế hoạch năm là 121,9 tỷ.

- Lợi nhuận sau thuế được: 107,37 tỷ đồng, đạt 110,1% so với kế hoạch là 97,52 tỷ đồng.

- Số phải nộp ngân sách: 74,328 tỷ đồng, đạt 161,2% kế hoạch năm là 46,106 tỷ.

- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022: 5%/cổ phiếu ( 01 cổ phiếu nhận được 500 đồng). Dự kiến chia cổ tức cả năm 2022 là 16,5% (Kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2022 đề ra là tối thiểu 5%).

## 2. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Thực hiện uỷ quyền của ĐHCĐ về việc giao cho HĐQT quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo quy định pháp luật. HĐQT đã chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

## 3. Chi trả lương, thù lao cho Người quản lý năm 2022:

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/3/2020 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc ban hành bảng lương Người quản lý (C); Tiêu chuẩn xếp hạng doanh nghiệp, nguyên tắc và phương án chuyển xếp lương đối với Người quản lý, lao động quản lý theo hạng doanh nghiệp áp dụng đối với các đơn vị thành viên Tập đoàn. Công ty đã chi trả tiền lương, thù lao cho Người quản lý chuyên trách, không chuyên trách như sau:

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo LN (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách		163.000.000		195.600.000	2.347.200.000
1	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	32.000.000	12	38.400.000	460.800.000
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	30.000.000	12	36.000.000	432.000.000
3	Dương Tấn Phong	TV HĐQT-Phó TGD	27.000.000	12	32.400.000	388.800.000

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo LN (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022
4	Trần Văn Toàn	Phó TGD	26.000.000	12	31.200.000	374.400.000
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
6	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
<b>II</b>	<b>Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách</b>		<b>10.200.000</b>			<b>122.400.000</b>
1	Lâm Thanh Phú	TVHĐQT	2.700.000	12		32.400.000
2	Đỗ Quốc Tuấn	TVHĐQT độc lập	2.700.000	12		32.400.000
3	Hoàng Quốc Hưng	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
4	Hoàng Văn Vinh	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
<b>III</b>	<b>Phụ cấp TK.HĐQT và công bố thông tin</b>		<b>3.000.000</b>			<b>36.000.000</b>
1	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	2.000.000	12		24.000.000
2	Trần Nguyễn Duy Sinh	CBTT		3		3.000.000
3	Nguyễn Trần Thiên Phúc	CBTT	1.000.000	9		9.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>176.200.000</b>			<b>2.505.600.000</b>

#### **4. Báo cáo tiến độ công tác quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty CP cao su Tân Biên:**

Thực hiện theo dự thảo kế hoạch hợp tác giữa UBND tỉnh Tây Ninh và Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục làm việc, phối hợp với các cơ quan trong tỉnh, huyện về phê duyệt Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên giai đoạn 2021 – 2030, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 – 2025 theo hướng chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang các cây trồng hiệu quả hơn, có điều kiện để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, điện năng lượng mặt trời, khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch của tỉnh Tây Ninh nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

#### **IV. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2022 và nhiệm vụ được phân công phụ trách, giám sát:**

##### **1. Các hoạt động khác của HĐQT năm 2022:**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp thường kỳ và đột xuất, phát hành 104 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 2 phiên họp. HĐQT đã ban



hành 22 nghị quyết và 103 quyết định để quản lý, lãnh đạo trong công tác cán bộ và sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức họp với sự tham gia mở rộng của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty để đánh giá tình hình hoạt động và triển khai kế hoạch quý sau, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật.

## **2. Công tác giám sát**

### **2.1 Giám sát đối với Ban điều hành:**

Hàng tháng, HĐQT có tham dự các cuộc họp Giao ban của Ban điều hành, tham gia phát biểu ý kiến chỉ đạo nhằm định hướng, đảm bảo việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra.

Hàng quý, HĐQT Công ty tiến hành họp HĐQT thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Ban điều hành báo cáo; bàn các giải pháp các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất kiến nghị và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho quý tiếp theo.

Hoạt động giám sát thực hiện chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn vốn đầu tư tài chính, công tác cán bộ, ban hành các quy định, quy chế, định hướng hoạt động, tổ chức SXKD ngắn hạn, dài hạn.

Trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, giao Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện, điều hành theo đúng phân cấp thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến các thành viên HĐQT xem xét để cho chủ trương thực hiện.

### **2.2 Công tác phối hợp**

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với nhiệm vụ được giao.

HĐQT luôn tuân thủ sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và phối hợp với tổ chức Đoàn thể trong Công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, chủ động trong công tác đào tạo, bổ nhiệm, xây dựng quy hoạch cán bộ theo từng giai đoạn, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tất cả các chủ trương của HĐQT đều được sự đồng thuận thống nhất cao trong các tổ chức Đảng, Đoàn thể nên việc thực hiện dễ triển khai, thuận lợi.

HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

HĐQT hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty.

## **V. Đánh giá chung**

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển bền vững của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT cũng như nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT được phân công phụ trách đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đạt và vượt kế hoạch, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong những năm tới.

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Dự báo, năm 2023 nền kinh tế toàn cầu còn bị ảnh hưởng bởi những tác động do hậu quả đại dịch Covid-19 gây ra, bên cạnh đó tình hình chiến sự, cấm vận thương mại giữa các nước lớn sẽ gây ra những tác động không nhỏ đến nền kinh tế của thế giới. Với hy vọng vực dậy đà tăng trưởng trong năm 2023 rất cần sự chung tay, hợp tác giữa chính phủ các nước để đưa ra các kế hoạch cụ thể và hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn và xác định phương hướng hoạt động trong năm 2023 cần tập trung mọi nỗ lực để hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu đã đề ra, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, chỉ đạo Ban điều hành chủ động xây dựng các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, bố trí, sắp xếp lao động hợp lý. Quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Một số chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
* Diện tích cao su khai thác	Ha	2.314,98
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>2.146,52</i>
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>168,46</i>
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.609,17
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	625,40
* Diện tích cao su tái canh	Ha	458,93
* Sản lượng cao su khai thác.	Tấn	3.200
<i>- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.986</i>
<i>- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>214</i>
* Sản lượng thu mua cao su tiêu điện	Tấn	1.500
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	7.000
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,38
* Sản lượng cao su chế biến	Tấn	4.486
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	12.500
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	614,673

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	Tỷ đồng	473,832
* Giá thành tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	36,92
<i>Trong đó: Giá thành tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	Triệu đồng/tấn	34,01
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	37,91
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	Triệu đồng/tấn	38,02
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	89,61
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	143,790
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá) tối thiểu	%	7
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	16%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	23%
* Tổng nợ ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	60,49
* Lao động bình quân	Người	991
* Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	7,3

Để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nêu trên Công ty cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng suất lao động, tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận trên sản phẩm và chia cổ tức cho cổ đông.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bảo toàn vốn, đảm bảo tài chính an toàn, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng chiến lược, đề án phát triển trung và dài hạn kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục bám sát, chủ động phối hợp với địa phương, cấp có thẩm quyền trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang cây trồng có hiệu quả hơn, có điều kiện ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức sản xuất và phát triển các khu công nghiệp phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

- Thực hiện duy trì chứng chỉ rừng bền vững của Việt Nam và xây dựng kế hoạch mở rộng thêm diện tích vườn cây còn lại để nâng cao giá trị sản phẩm của Công ty.

- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, đẩy mạnh tỷ trọng cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, sản xuất hàng hoá theo nhu cầu thị trường.

- Tăng cường công tác thu mua, gia công để đảm bảo công suất nhà máy hoạt động hiệu quả và tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Tiếp tục hỗ trợ Công ty CP Cao su Tân Biên - KampongThom trong khâu tiêu thụ cao su thành phẩm.

- Đề xuất, kiến nghị đến các cấp chính quyền địa phương các chính sách, cơ chế để hỗ trợ Doanh nghiệp như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, các gói vay ưu đãi, miễn tiền thuê đất đối với diện tích trong giai đoạn KTCB, đồng thời định hướng, chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các phương án tiết giảm chi phí, tuyên truyền vận động CB.CNV Người lao động trong Công ty ổn định tư tưởng an tâm công tác gắn bó cùng Công ty vượt qua khó khăn, gian khó, bước qua đại dịch.

Trên đây là Báo cáo về tình hình quản trị Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, nhiệm vụ của từng thành viên được phân công phụ trách trong năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty kính chúc Quý cổ đông sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt.

***Nơi nhận:***

- ĐHCĐ thường niên năm 2023;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT. TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Phụ lục I. Các Nghị quyết ban hành trong năm 2022**

<b>Stt</b>	<b>Ngày tháng năm văn bản</b>	<b>Số, ký hiệu VB</b>	<b>Tên loại và trích yếu nội dung</b>	<b>Tỷ lệ thông qua</b>
1	12/01/2022	06/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác XSKD	100%
2	17/01/2022	09A/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2021	100%
3	19/01/2022	11/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác tiền lương	100%
4	21/01/2022	12/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác tiền lương	100%
5	21/01/2022	14/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
6	23/02/2022	28/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
7	02/03/2022	35/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
8	28/03/2022	48/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết họp HĐQT Công ty quý I năm 2022	100%
9	30/03/2022	51/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
10	25/04/2022	69/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
11	25/04/2022	70/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
12	25/04/2022	76/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v gia hạn thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	100%
13	28/04/2022	86/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v tổ chức họp Đại hội đồng thường niên năm 2022	100%
14	25/05/2022	111/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết họp HĐQT Công ty Quý II/2022	100%
15	25/07/2022	161/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v thống nhất chủ trương bàn giao đất về địa phương để thực hiện Công trình: Đường ĐT 794.	100%
16	11/08/2022	177/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp HĐQT Công ty Quý III/2022	100%
17	31/08/2022	191/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết về công tác SXKD	100%
18	06/09/2022	201/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chi trả 4% cổ tức còn lại năm 2021	100%
19	07/11/2022	262/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v họp HĐQT Quý IV/2022	100%
20	25/11/2022	279/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương chi tạm ứng cổ tức năm 2022	100%
21	26/12/2022	305/NQ-HĐQTCSTB	Nghị quyết v/v phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng dài hạn tiêu thụ cao su với Công ty TNHH phát triển cao su TB-KPT và Công ty TNHH cao su MeKong năm 2023	100%
22	29/12/2022	308/NQ-	Nghị quyết v/v điều chỉnh cơ sở tính giá của mũ CSR 10	100%



Stt	Ngày tháng văn bản	Số, ký hiệu VB	Tên loại và trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
		HĐQTCSTB	khi ký kết HDDH với Công ty TNHH phát triển cao su TB-KPT	

**Phụ lục II. Các Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2022**

Ngày tháng VB	Số ký hiệu VB	Tên loại và trích yếu nội dung
04/01/2022	01/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt diện tích phân bổ cây cao su thanh lý
10/01/2022	05/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chi phí đầu tư 1 ha vườn ương
13/01/2022	07/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NT Tân Hiệp và Suối Ngô
09/02/2022	19/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v tạm chi tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022
14/02/2022	23/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn (sửa đổi, bổ sung) đối với người lao động
02/03/2022	34/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành Quy chế trả lương (sửa đổi, bổ sung)
03/03/2022	38/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thành lập ban chỉ đạo phát triển bền vững của Công ty CP CS Tân Biên
07/03/2022	41/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NTB
01/04/2022	56/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương năm 2021
05/04/2022	58/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt suất đầu tư tái canh, chăm sóc 1 ha cao su năm 2022
05/04/2022	59/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo KTKT hạng mục: Hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm (Giếng số hiệu G2)
15/04/2022	60/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: " Hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm (Giếng số hiệu G2)
21/04/2022	65/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v (sửa đổi, bổ sung) một số nội dung quy định tại Điều 13, Điều 15 Quy chế Thi đua khen thưởng
22/04/2022	66/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NTB
22/04/2022	68/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch kinh phí đào tạo cán bộ năm 2022
25/04/2022	75/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành quy chế phòng chống tham nhũng
25/04/2022	77/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý xe tải ISUZU
26/04/2022	78/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch bán đấu giá tài sản: Quyền khai thác mỏ cao
26/04/2022	79/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch bán đấu giá tài sản: Quyền khai thác mỏ cao su
28/04/2022	139/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch mua sắm năm 2022
05/05/2022	90/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thành lập lại Ban Thu mua mủ
05/05/2022	91/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thành lập lại Ban chỉ đạo phát triển bền vững

<b>Ngày tháng VB</b>	<b>Số ký hiệu VB</b>	<b>Tên loại và trích yếu nội dung</b>
09/05/2022	94/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Xây dựng hàng rào - khu vực Văn phòng Công ty"
17/05/2022	100/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lao động năm 2022
23/05/2022	105/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt dự toán nông nghiệp năm 2022
23/05/2022	106/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành
23/05/2022	107/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt chi phí đầu tư hoàn thành
23/05/2022	108/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v nâng bậc lương thường xuyên
23/05/2022	109/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v nâng bậc lương thường xuyên
24/05/2022	110/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch kinh phí đào tạo, tập huấn ngắn hạn năm 2022
31/05/2022	114/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: "Xây dựng hàng rào - khu vực Văn phòng Công ty"
15/06/2022	126/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP CS Tân Biên
17/06/2022	129/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục: Đầu tư mua sắm 01 máy cán soạn mẫu cao su 02 trục
17/06/2022	130/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v nâng bậc lương đối với người quản lý
22/06/2022	134/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch kinh phí An toàn vệ sinh lao động năm 2022
22/06/2022	135/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định về công tác tiền lương
24/06/2022	138/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022
05/07/2022	147/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt dự toán chăm sóc 01 ha cây keo lai năm 2022
06/07/2022	148/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử Cán bộ- Công nhân viên đi công tác nước ngoài
08/07/2022	150/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Xây dựng hàng rào khu vực hệ thống xử lý nước thải- XNCKCB"
12/07/2022	153/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Mở rộng mái che xuất hàng tại xí nghiệp cơ khí chế biến"
12/07/2022	195/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Đầu tư mua sắm 01 máy cán soạn mẫu cao su 02 trục"
14/07/2022	154/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt phương án nhượng bán quyền khai thác mỏ cao su lô K3-NT Xa Mát
18/07/2022	169/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NT Bồ Túc và NT Suối Ngô
20/07/2022	159/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: "Mở rộng mái che xuất hàng tại Xí nghiệp cơ khí chế biến"

<b>Ngày tháng VB</b>	<b>Số ký hiệu VB</b>	<b>Tên loại và trích yếu nội dung</b>
20/07/2022	160/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Xây dựng cống thoát nước và đắp nền đường (tuyến lô F57-F58/G57-G58)- NTCS Bồ Túc"
25/07/2022	165/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2022
27/07/2022	167/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử cán bộ - Công nhân viên đi công tác nước ngoài
27/07/2022	170/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành Quy chế Quản lý tài chính (sửa đổi, bổ sung)
28/07/2022	172/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu Công trình: "Xây dựng cống thoát nước và đắp đất nền đường lô - NTCS Bồ Túc"
04/08/2022	174/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: "Xây dựng hàng rào khu vực hệ thống xử lý nước thải - XN.CKCB"
08/08/2022	175/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử Cán bộ - Công nhân viên đi công tác nước ngoài
24/08/2022	180/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v nâng bậc lương đối với người quản lý
25/08/2022	183/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng quản lý Quỹ phát triển KH&CN
25/08/2022	184/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: mua sắm 01 máy đo độ ổn định cơ học
25/08/2022	185/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Sửa chữa Nhà làm việc tại các Nông trường"
25/08/2022	186/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thành lập lại Hội đồng thi đua khen thưởng
29/08/2022	188/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục: Đầu tư mua sắm 01 máy đo độ nhớt Mooney
29/08/2022	189/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục: Đầu tư mua sắm thiết bị máy đóng bầu ươm cây giống cao su
31/08/2022	193/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Đầu tư mua sắm 01 máy đo độ ổn định cơ học"
31/08/2022	194/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Đầu tư mua sắm thiết bị máy đóng bầu ươm cây giống cao su"
06/09/2022	202/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử Cán bộ - CNV đi công tác nước ngoài
09/09/2022	209/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
09/09/2022	210/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kỹ Thuật
09/09/2022	211/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Thị trường Kinh doanh
12/09/2022	204/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v ban hành lại quy chế tuyển dụng tại Công ty CP Cao su Tân Biên
12/09/2022	205/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: "Sửa chữa Nhà làm việc tại các Nông trường"
12/09/2022	206/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo KTKT Công trình: "Cải tạo, sửa chữa Cổng, tường rào, nhà bảo vệ Khu nhà làm việc VP Công ty"
13/09/2022	212/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v điều chỉnh số lượng, giá bán khởi điểm và phương thức bán thanh lý xe vận chuyển mù
14/09/2022	213/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: "Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường lô tại 03 Nông trường )"

<b>Ngày tháng VB</b>	<b>Số ký hiệu VB</b>	<b>Tên loại và trích yếu nội dung</b>
14/09/2022	214/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu công trình: " Cải tạo, sửa chữa Cổng, tường rào, nhà bảo vệ khu nhà làm việc VP Công ty"
16/09/2022	217/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: " Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường lô tại 03 Nông trường )"
19/09/2022	219/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt bán tài sản thanh lý lô hàng: xe ô tô Isuzu, bồn Inox chứa mù và khung sắt chở bồn
16/09/2022	220/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện vốn
22/09/2022	221/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: " Đầu tư mua sắm máy đo độ nhớt Mooney"
23/09/2022	222/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại NT Tân Hiệp và NT Bồ Túc
26/09/2022	234/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: " Xây dựng Nhà làm việc đội sản xuất - NTCS Tân hiệp"
30/09/2022	233/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: " xây dựng Nhà làm việc đội sản xuất - NTCS Bồ Túc"
30/09/2022	235/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: " Xây dựng Nhà làm việc đội sản xuất - NTCS Tân Hiệp"
30/09/2022	236/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: " Xây dựng Nhà làm việc đội sản xuất - NTCS Bồ Túc"
30/09/2022	237b/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: " Xây dựng Nhà làm việc tại các NT"
30/09/2022	237/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: " Xây dựng Nhà làm việc đội sản xuất - NTCS Tân Hiệp"
04/10/2022	238/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử cán bộ- Công nhân viên đi công tác nước ngoài
13/10/2022	246/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương sử dụng 5% dự phòng phí ( chăm sóc vườn cây KTCB năm 2022)
18/10/2022	247/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v cử Cán bộ - CNV đi công tác nước ngoài
20/10/2022	251/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v thanh lý cây cao su để giao trả đất về địa phương thực hiện công trình: Đường ĐT.794
24/10/2022	252/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt giá bán khởi điểm và phương thức bán cây cao su thanh lý để giao trả đất về đp (công trình: Đường ĐT 794)
01/11/2022	259/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương thanh lý vườn cây cao su để trồng tái canh và luân canh năm 2023.
07/11/2022	262A/NQ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo KTKT công trình: " Cải tạo, sửa chữa cổng, tường rào, nhà bảo vệ khu nhà làm việc Văn phòng Công ty"
08/11/2022	263/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu công trình: " Cải tạo, sửa chữa cổng, tường rào, nhà bảo vệ khu làm việc VP Công ty"
08/11/2022	265/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt giá bán khởi điểm (điều chỉnh) và phương thức bán cây cao su thanh lý để giao trả đất về đp (Đường ĐT 794)
09/11/2022	267/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại Nông trường Tân Hiệp
24/11/2022	275/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị, phòng trực thuộc Công ty giai đoạn 2021-2026
24/11/2022	278/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đơn vị, phòng trực thuộc Công ty xây dựng mới giai đoạn 2026-2031
25/11/2022	282/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh dự toán nông nghiệp năm 2022 (tái canh, chăm sóc cao su KTCB từ năm thứ 2 đến năm thứ 8)
20/12/2022	296/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt giá bán khởi điểm và phương thức bán thanh lý cây cao su để trồng tái canh và luân canh năm 2023

<b>Ngày tháng VB</b>	<b>Số ký hiệu VB</b>	<b>Tên loại và trích yếu nội dung</b>
21/12/2022	302/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt thanh lý, giá bán khởi điểm cây cao su gãy đổ tại Nông trường cao su Bồ Túc
27/12/2022	306/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình: "Nhà vệ sinh Xí nghiệp Cơ khí Chế biến"
27/12/2022	307/QĐ-HĐQTCSTB	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Công trình: "Nhà vệ sinh Xí nghiệp Cơ khí Chế biến"

Số: /CSTB-BKS

## BÁO CÁO

### Tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Kiểm soát Công ty

*Kính thưa Quý vị đại biểu, Khách quý.*

*Kính thưa Quý vị cổ đông của Công ty.*

*Căn cứ các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát Công ty được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Tân Biên;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên, tại văn bản số 02/NQ-ĐHĐCĐCSTB ngày 15/6/2022 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm.*

Đại diện Ban Kiểm soát tôi xin báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Tân Biên năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 như sau:

#### **I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, Tây Ninh.

Giấy đăng ký kinh doanh: 3900242832 , đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày cấp: 29/04/2016; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt: Trồng trọt, công nghiệp hóa chất phân bón và cao su. Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thương nghiệp bán buôn. Sản xuất: Chai nhựa PET, nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa bao bì.

Số điện thoại: 0276 3875193 ; FAX: 0276 3875307.

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng. Trong đó: vốn góp của Nhà nước 865.905.530.000 đồng, chiếm 98,46% vốn điều lệ; Cổ đông bên ngoài 13.544.470.000 đồng, chiếm 1,54% vốn điều lệ.

#### **1. Công tác tổ chức, nhân sự:**

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026, hiện nay gồm 03 người:



Số TT	Tên thành viên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Ghi chú
01	Nguyễn Văn Sang	Công ty cổ phần cao su Tân Biên	Trưởng Ban (chuyên trách)	Bổ nhiệm từ ngày 24/6/2021
02	Hoàng Quốc Hưng	Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	Thành viên (kiêm nhiệm)	
03	Hoàng Văn Vinh	Công ty cổ phần cao su Tân Biên	Thành viên (kiêm nhiệm)	

Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Ban Kiểm soát đề cử 02 thành viên; trong đó: 01 thành viên tham gia Tổ chuyên gia xét thầu và 01 thành viên tham gia Tổ kiểm tra nội bộ.

## **2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

- Thực hiện tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể các Thành viên Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm soát Công ty xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2022 gửi Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ.
- Thông qua các tài liệu, báo cáo và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban Kiểm soát kiểm tra, đối chiếu với các quy định của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để kiến nghị các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi và điều chỉnh.
- Trực tiếp làm việc với Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc trong Công ty để giám sát tại chỗ việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn.
- Kiểm tra, giám sát các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Trong đó: kiểm tra, giám sát các khoản đầu tư vốn vào 02 dự án để trồng cao su đó là Công ty TNHH Phát triển cao su Tân Biên - Kampong thom (Dự án 1) và Công ty TNHH cao su Mê Kông (Dự án 2) thuộc Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampong thom trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản được giao.
- Trong mỗi lần kiểm tra, giám sát đều lập kế hoạch thông báo và có báo cáo kết quả thực hiện gửi Công ty và Tập đoàn định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm theo quy định.
- Đóng góp ý kiến thiết thực phù hợp với tình hình phát triển thực tế của đơn vị thông qua việc tham dự các kỳ họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban Công ty.
- Trình thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 tại phiên họp Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 15/6/2022.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2022.

- Tổ chức 4 phiên họp thường kỳ thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát Công ty.

\* **Đánh giá chung:** Các thành viên trong Ban Kiểm soát luôn nêu cao ý thức, trách nhiệm, tận tụy với công việc; hiểu và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; làm việc có nguyên tắc, kỷ cương, có lý, có tình; không lạm dụng chức vụ, quyền hạn khi giải quyết công việc, luôn quán triệt không nhận quà biếu với động cơ vụ lợi dù giá trị nhỏ hay lớn. Làm việc một cách trung thực, khách quan và cẩn trọng trong công việc, luôn giữ gìn bảo mật các thông tin và giữ gìn tốt mối đoàn kết nội bộ trong Công ty.

## **II. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát năm 2022:**

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức kiểm tra, kiểm soát đầy đủ theo kế hoạch đã đề ra và báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện gửi Chủ sở hữu định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm theo quy định.

Sau đây Ban Kiểm soát Công ty xin trình bày báo cáo, đánh giá về các lĩnh vực trọng tâm trong năm 2022, như sau:

### **1. Về lĩnh vực tài chính:**

#### **1.1. Kiểm toán nội bộ:**

Công ty thuê đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán nội bộ chuyên đề: Kiểm tra tình hình thực hiện các thủ tục kiểm soát đối với quy trình quản lý các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng trong năm 2022.

1.2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, Ban Kiểm soát đã tiến hành:

- Rà soát việc trình bày các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty bảo đảm phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Công văn số 3650/CSVN-TCKT ngày 30/12/2022 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2022.

- Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán.

- Xem xét việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Công ty và các sai lệch trọng yếu so với Chuẩn mực đã được trình bày và giải thích rõ ràng trên các báo cáo tài chính năm 2022 của chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Đánh giá tính hợp lý và thận trọng của các đánh giá cũng như các ước tính của Công ty trong trình bày báo cáo tài chính (các ước tính này ảnh hưởng đến việc tính toán và ghi nhận các khoản chi phí, thu nhập, trích lập các quỹ và trích lập Dự phòng rủi ro trong kỳ).

- Rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình bày trên báo cáo tài chính với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán điều chỉnh của kiểm toán độc lập xác định những ảnh hưởng trọng yếu đến thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính.

1.3. Trên cơ sở các công việc đã thực hiện, Ban Kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Công văn số 3650/CSVN-TCKT ngày 30/12/2022 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2022.

- Các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các sổ kế toán chi tiết và các Thuyết minh trên báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Số liệu đầu kỳ của báo cáo tài chính năm 2022 khớp đúng với số liệu cuối kỳ của báo cáo tài chính năm 2021.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập, cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định, Ban Kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các ước tính của Công ty khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng.

\* Nhận xét: Với kết quả thẩm định như trên, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC; đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

## **2. Về lĩnh vực đầu tư:**

### **2.1. Công tác đấu thầu, mua sắm thường xuyên:**

- Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên của Tổ chuyên gia xét thầu, nên thường xuyên được mời dự mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu về mua sắm vật tư, hóa chất, phân bón và máy móc thiết bị... Về trình tự, thủ tục hồ sơ mua sắm; Công tác lựa chọn nhà thầu để ký kết hợp đồng, giao nhận, lấy mẫu kiểm nghiệm, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng luôn tuân thủ đầy đủ theo hướng dẫn của Tập đoàn và các quy định của Nhà nước.

- Trong năm 2022, Công ty thực hiện đấu thầu 52 gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển và dự toán mua sắm thường xuyên. Trong đó: Không qua mạng: 36 gói; Qua mạng: 16 gói.

+ Tổng giá gói thầu: 24,356 tỷ đồng.

+ Tổng giá trúng thầu: 23,176 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ tiết kiệm theo hình thức lựa chọn nhà thầu: 4,84 % (tương đương 1,180 tỷ đồng).

\* Nhận xét: Công ty thực hiện tốt công tác đấu thầu, tuân thủ Luật đấu thầu. Công tác đấu thầu đảm bảo cạnh tranh, minh bạch và mang lại hiệu quả kinh tế. Qua đấu thầu, đã lựa chọn được các nhà thầu trúng thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; bảo đảm thực hiện đúng tiến độ triển khai các gói thầu đã đặt ra.

2.2. Nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su:

- Về nhượng quyền khai thác: Tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mủ cao su năm 2022 và năm 2023 theo tinh thần Công văn số 147/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 22/4/2022 của Tập đoàn. Diện tích 137,5 ha,<sup>1</sup> giá khởi điểm 3,878 tỷ đồng, kết quả trúng đấu giá 11,385 tỷ đồng, tỷ lệ tăng gấp 3 lần.

- Về thanh lý vườn cây cao su: Tổ chức bán đấu giá thanh lý vườn cây cao su luân canh trồng mía và tái canh trồng cây cao su năm 2022 theo tinh thần Công văn số 3755/CSVN-KHĐT ngày 28/12/2021 của Tập đoàn. Diện tích 112,25 ha, giá khởi điểm 29,529 tỷ đồng, kết quả trúng đấu giá 33,229 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 112,53%.

\* Nhận xét: Công ty thực hiện việc nhượng quyền khai thác, thanh lý vườn cây cao su bằng hình thức đấu giá thông qua tổ chức tư vấn có chức năng bán đấu giá tài sản. Thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

### 3. Về lĩnh vực nông nghiệp:

- Về công tác tái canh năm 2022: Công ty thực hiện trồng tái canh từ ngày 19/05/2022, diện tích trồng tái canh đến ngày 30/07/2022 đạt 192,97 ha/192,97 ha đạt 100%. Cơ cấu giống: RRIV 103, RRIV 114, RRIV 209. Nguồn gốc, chất lượng: Cây giống đơn vị tự sản xuất và mua thêm từ các Công ty cao su trong ngành.

- Kiểm tra, giám sát chuyên đề thu hoạch mủ; chăm sóc vườn cây cao su kinh doanh và KTCB năm 2022 tại Nông trường cao su Suối Ngô (theo QTKT cây cao su cấp quốc gia do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành tại quyết định 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021).

\* Nhận xét: (i) Cơ cấu giống: RRIV 103, RRIV 114, RRIV 209. Nguồn gốc, chất lượng: Cây giống đơn vị tự sản xuất và mua thêm từ các Công ty cao su trong ngành. (ii) Qua giám sát chuyên đề thu hoạch mủ giúp Nông trường cao su Suối Ngô đạt kế hoạch sản lượng năm 2022 trước 60 ngày.

### 4. Về lĩnh vực lao động tiền lương:

- Công ty đã và đang tiếp tục áp dụng hình thức giao khoán cho công nhân, từ đó làm cơ sở để tính tiền lương, thu nhập cho người lao động. Tổng quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2022 là: 58,767 tỷ đồng. Thu nhập bình quân: 8,45 triệu đồng/người/tháng.

---

<sup>1</sup> NTCS Xa Mát (14,94 ha) NTCS Tân Hiệp (20,8 ha), Bồ Túc (19,23 ha), Suối Ngô (82,28 ha).

- Thực hiện chế độ điều chỉnh ngạch lương, bậc lương và nâng hệ số lương cho CB CNV năm 2022 là: 178 người, bao gồm: (i) Nâng hệ số lương định kỳ cho CB.CNV đủ tiêu chuẩn là: 136 người. (ii) Điều chỉnh ngạch lương và hệ số lương là: 42 người.

- Thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung năm 1 cho CB CNV năm 2022 là: 37 người.

\* Nhận xét: Công tác quản lý tiền lương đã được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời, đúng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và Tập đoàn.

### **5. Giám sát công tác khác:**

Giám sát việc thẩm định báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên - Kampongthom. Kết quả hợp nhất kinh doanh 02 dự án:

Tổng doanh thu: 790,174 tỷ đồng, đạt 106,19% so với kế hoạch 744,148 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 176,022 tỷ đồng đạt 103,10% so với kế hoạch 170,733 tỷ đồng.

*Trong đó:*

- Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 195,441 tỷ đồng.

- Lợi nhuận hoạt động tài chính: -16,264 tỷ đồng.

- Lợi nhuận khác: -3.155 tỷ đồng.

### **III. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:**

#### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với thành phần tham dự đầy đủ; điều hành các cuộc họp tập trung vào các nội dung chủ yếu: kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức, cơ chế chính sách, đầu tư, mua sắm... các thành viên tham dự đều có ý kiến phát biểu, kết quả: ban hành 330 văn bản thuộc thẩm quyền (trong đó có 22 Nghị quyết và 103 Quyết định). Công bố thông tin theo quy định pháp luật và Ủy ban chứng khoán.

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, được cổ đông tham dự biểu quyết và tán thành 100%.

- Hoạt động tuân thủ Nghị quyết, Điều lệ, Quy chế đảm nhiệm tốt vai trò với tư cách là người đại diện vốn, luôn đảm bảo tốt lợi ích của Công ty và cổ đông.

#### **2. Hoạt động của Ban điều hành:**

Ban điều hành chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao; công tác quản lý điều hành của Ban điều hành có nhiều nỗ lực, đáp ứng kịp thời theo yêu cầu công việc, đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển được vốn.

#### **3. Giám sát hoạt động công bố thông tin:**

- Năm 2022, Công ty đã thực hiện công bố 65 thông tin theo quy định của Pháp luật, không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành.

- Công ty vinh dự được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh là Doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn trên Upcom thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2021-2022.

#### **4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông:**

- Ban Kiểm soát Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam; sự phối hợp và tạo mọi điều kiện của các đồng chí trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành để Ban Kiểm soát Công ty thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

- Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022-2023, Công ty đảm bảo nguồn cung cấp thông tin; công tác phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành vẫn đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phản ánh về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty.

#### **IV. Kế hoạch công tác năm 2023:**

##### **1. Mục tiêu kế hoạch:**

- Giám sát toàn bộ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và việc chấp hành quy định pháp luật;
- Nhận dạng rủi ro trong từng qui trình thực hiện công việc và xác định nguyên nhân;
- Giám sát chuyên sâu theo chuyên đề, tìm bản chất vấn đề, đưa ra kiến nghị.

##### **2. Kế hoạch hoạt động:**

- Thực hiện giám sát theo kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 đã Trình Lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.
- Giám sát các nội dung, kiến nghị của kiểm toán độc lập trong báo cáo tài chính.
- Giám sát theo chuyên đề: *Đầu tư, tài chính, nông nghiệp, tiền lương*.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý/bán niên/năm; trước, trong và sau kiểm toán.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.
- Giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
- Giám sát khắc phục các kết luận thanh kiểm tra và các công việc khác.
- Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới Ban Kiểm soát (nếu có).

##### **V. Đề xuất, kiến nghị:**



- Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, xây dựng những mô hình tái canh phù hợp cho từng Nông trường kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, đảm bảo vườn cây cao su tái canh có chất lượng tốt, cơ cấu giống phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động; chủ động tìm kiếm nguồn lao động và tuyển dụng kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất nhằm tăng doanh thu chính, từ đó cải thiện được quỹ tiền lương và tăng thu nhập cho người lao động (thay vì xây dựng phương án nhượng quyền khai thác đối với diện tích thiếu lao động khai thác thì sẽ tăng doanh thu bất thường không cải thiện được quỹ tiền lương).

- Tổ chức thu mua mủ cao su tiêu điền trên địa bàn và nhận gia công mủ cao su để tận dụng hết công suất của Nhà máy, tạo việc làm cho người lao động.

- Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản xuất ở mức thấp nhất có thể; sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó.

- Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh, liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Xin nghiêm túc tiếp thu những ý kiến đóng góp của Quý cổ đông giúp Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ngày càng tốt hơn./.

Một lần nữa thay mặt Ban Kiểm soát Công ty xin Kính chúc Quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Xin chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Xin trân trọng cảm ơn !

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;

- Lưu: VT; BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Văn Sang**

Số: /BC-CSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động SXKD năm 2022**  
**và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD 2023**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên; Ban Tổng Giám đốc trình trước Đại hội cổ đông báo cáo về hoạt động của Công ty CP cao su Tân Biên trong năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

**A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2022:**

**I. Đặc điểm tình hình**

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chiếm 98,46% vốn điều lệ. Tổng số cán bộ công nhân viên, người lao động 868 người; tổ chức biên chế hiện nay gồm 4 Nông trường, 1 Xí nghiệp cơ khí chế biến, 7 phòng nghiệp vụ và 1 trung tâm y tế. Diện tích cao su của Công ty 5.549,55 ha; trong đó diện tích khai thác 2.576,53 ha (trong đó diện tích tự khai thác là 2.034,09 ha, diện tích nhượng quyền khai thác 542,44 ha); diện tích vườn cây kiến thiết cơ bản 2.780,05 ha. Hoạt động chính của Công ty là: trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cao su và đầu tư một số lĩnh vực khác.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị trong năm có những thuận lợi và khó khăn như sau:

**1. Thuận lợi**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc; Sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.

- Công tác đấu giá vườn cây thanh lý của Công ty được thực hiện tốt, giá trị sau khi đấu giá thanh lý vườn cây tăng lên đáng kể góp phần tăng đáng kể về doanh thu lợi nhuận của Công ty trong năm 2022.

**2. Khó khăn**

**\* Khó khăn trong thực hiện sản lượng khai thác mủ cao su:**

Diện tích vườn cây cao su khai thác của Công ty năm 2022 là 2.576,53 ha. Đa số diện tích vườn cây kinh doanh của Công ty đang trong giai đoạn già cỗi, miệng cao cao (diện tích vườn cây nhóm 3 và tận thu: 2.072,19 ha, chiếm 80,43%) và một số diện tích vườn cây nhóm 1: 504,34 ha, chiếm 19,57%. Đầu năm bệnh phấn trắng phát triển mạnh trên vườn cây đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tán lá của cây cao su, riêng vườn cây nhóm 1, Công ty chỉ tổ chức phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng với tổng diện tích phun thuốc phòng trị bệnh phấn trắng là 267,89 ha, (vườn cây không nhiễm bệnh).

Để tiết giảm chi phí, năm 2022 Công ty chỉ bón phân vườn cây năm trồng từ 1998 – 1999 và vườn cây nhóm 1, với diện tích bón 629,04 ha/2.576,53 ha chiếm 24,41%.

Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như: phân bón, khí đốt,..làm tăng giá thành sản phẩm.

Đơn giá nhân công tăng theo hàng năm, riêng trong năm 2022 chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng gần gấp đôi so với năm trước như: phân bón, thuốc BVTV, chi phí máy,.. ảnh hưởng đến công tác quản lý suất đầu tư và chăm sóc vườn cây KTCB.

Công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều, Công ty đã tổ chức cạo d/4, vận động công nhân nhận thêm phần cây để cạo choàng nhưng vẫn thiếu lao động, nên phải thực hiện công tác nhượng quyền khai thác bên ngoài với diện tích 542,44 ha.

Thị trường tiêu thụ cao su vẫn bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, tình hình chiến tranh giữa Nga - Ukraina, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm. Do đó, dẫn đến giá bán cao su đã có giai đoạn biến động giảm mạnh trong quý II/2022, sau đó phục hồi trong tháng 6 rồi lại giảm nhanh vào tháng 7 cho đến cuối năm đã làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, khách hàng gửi kho nhiều.

Năm 2022, thời tiết mưa giông nhiều, đã làm gãy đổ 1.598 cây (trong đó: Xa Mát 7 cây, Tân Hiệp 128 cây; Bồ Túc 1.458 cây; Suối Ngô 5 cây).

Công tác bảo vệ mủ trên vườn cây còn chưa tốt, tại các Nông trường còn xảy ra nạn trộm cắp mủ.

## **II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh**

#### **1.1. Công tác sản xuất**

- Tổng sản lượng cao su đạt 3.420,6 /3.120 tấn, đạt 109,63% so với kế hoạch, năng suất bình quân đạt 1,33 tấn/ha. Trong đó:

+ Sản lượng cao su Công ty tự khai thác đạt 2.699,6 tấn.

+ Sản lượng Công ty nhượng quyền khai thác: 721 tấn.

- Sản lượng thu mua mủ cao su nguyên liệu bên ngoài là 1.581,4 tấn, đạt 131,78% so với kế hoạch 1.200 tấn.

- Tổng sản lượng cao su chế biến trong năm là 4.335 tấn, đạt 120,45% kế hoạch năm (3.599 tấn). Trong đó:

+ Chế biến mủ cao su Công ty khai thác: 2.766 tấn.

+ Chế biến mủ thu mua: 1.569 tấn.

- Thu mua cao su thành phẩm: 13.219/7.000 tấn đạt 188,84% so với kế hoạch.

#### **1.2. Công tác kinh doanh**

- Tổng sản phẩm cao su tiêu thụ của Công ty năm 2022 là 16.144 tấn, đạt 146,76% so với kế hoạch 11.000 tấn.

- Giá bán tiêu thụ cao su bình quân là 38,73 triệu đồng/tấn, đạt 103,91% so với giá bán kế hoạch là 37,27 triệu đồng/tấn. Trong đó:

+ Giá bán cao su tự khai thác: 39,05 triệu đồng/tấn.

- + Giá bán cao su thu mua: 42,32 triệu đồng/tấn.
- + Giá bán hàng hóa cao su: 38,22 triệu đồng/tấn.
- Tổng doanh thu trong năm 2022: 778,860 tỷ đồng đạt 146,95% so với kế hoạch năm là 530,010 tỷ đồng. Trong đó:
  - + Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh cao su là 625,267 tỷ đồng.
  - + Doanh thu hoạt động tài chính là: 12,878 tỷ đồng.
  - + Doanh thu sản phẩm khác là: 1,373 tỷ đồng
  - + Doanh thu hoạt động khác là: 139,342 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ bán cây cao su thanh lý là 119,873 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 137,846 tỷ đồng, đạt 113,08% kế hoạch năm là 121,9 tỷ.
- Lợi nhuận sau thuế được: 107,370 tỷ đồng, đạt 110,1% so với kế hoạch là 97,52 tỷ đồng.
- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022: 5%/cổ phiếu ( 01 cổ phiếu nhận được 500 đồng). Dự kiến chia cổ tức cả năm 2022 là 16,5% (Kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2022 đề ra là tối thiểu 5%).
- Số phải nộp ngân sách: 74,328 tỷ đồng, đạt 161,2% kế hoạch năm là 46,106 tỷ.

### **1.3. Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB**

**a) Công tác tái canh:** Công ty thực hiện trồng tái canh từ ngày 19/05/2022, diện tích trồng tái canh đến ngày 30/07/2022 đạt 192,97 ha/192,97 ha đạt 100%. Tuy nhiên, do vườn ương trồng từ năm 2021, bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên công tác đi lại chăm sóc có hạn chế, vì vậy Công ty phải trồng 85,63 ha bằng bầu cát ngon.

#### **b) Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:**

Công ty tiếp tục thực hiện và chăm sóc tốt vườn cây KTCB với tổng diện tích là 2.780,05 ha.

Vườn cây được theo dõi, chăm sóc, thường xuyên đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, công tác bón phân, được thực hiện tốt. Tuy nhiên việc giảm phân bón từ năm thứ 4 trở đi và không bón vườn cây cuối kỳ chăm sóc cũng phần nào ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây.

Công tác tỉa chồi được áp dụng theo đúng quy trình kỹ thuật; công tác bảo vệ thực vật, bảo vệ vườn cây, công tác phòng chống cháy trên vườn cây cao su KTCB được kiểm tra thường xuyên.

### **1.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

#### **- Về xây lắp:**

+ Trong năm 2022, Công ty đã triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm thật sự cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh gồm các công trình: Công trình xây dựng hàng rào khu vực hệ thống xử lý nước thải - XN.CKCB; Công trình sửa chữa đường lô tại các Nông trường Tân Hiệp, Bồ Túc, Suối Ngô; Công trình xây dựng nhà làm việc Đội SX - NTCS Tân Hiệp; Công trình xây dựng Nhà làm việc Đội SX NTCS Bồ Túc; Cải tạo sửa chữa Cổng tường rào, nhà bảo vệ Khu nhà làm việc Văn phòng Công ty; Mái che xuất hàng tại XNCKCB; Công trình xây dựng cống thoát nước và đắp đất nền đường (tại

tuyến lô F57-F58/G57-G58) tại NTCS Bồ Túc; Công trình xây dựng hàng rào - Khu vực Vp Công ty; Công trình phục hoang và xây dựng vườn cây năm 2022.

Ngoài ra, Công ty phối hợp với các đơn vị tư vấn giám sát tiếp tục triển khai thi công công trình: “Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 950 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tại Xí nghiệp CKCB”. Ngày 02/12/2022, Sở TNMT tỉnh Tây Ninh đã tổ chức Đoàn đi kiểm tra thực trạng tại Xí nghiệp CKCB để cấp giấy phép môi trường, và hiện tại Công ty đang triển khai thực hiện các nội dung góp ý, chỉnh sửa các ý kiến của Sở TNMT nêu tại văn bản số 8388/STNMT-PBVTV ngày 12/12/2022.

#### **- Về mua sắm thiết bị:**

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư 01 Máy đo độ nhớt Money; 01 Máy đo độ ổn định cơ học cao su (MST); 02 hệ thống quan trắc giếng nước tự động.

- Giá trị đầu tư XD/CB năm 2022 đạt 33,287 tỷ/62,235 tỷ đồng, đạt 53,48% kế hoạch.

### **1.5. Công tác đầu tư trong nước và nước ngoài:**

#### **1.5.1. Đầu tư trong nước:**

Năm 2022, Công ty không thực hiện hoạt động thoái vốn và góp vốn đầu tư.

#### **1.5.2. Đầu tư nước ngoài:**

Tình hình hoạt động 02 dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia. Tổng diện tích vườn cây cao su tại 02 dự án là 12.957,91 ha. Tình hình hoạt động 02 dự án trong năm 2022 như sau:

**\* Dự án 1:** Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom:

- Tổng diện tích vườn cây: 7.243,91 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác : 7.243,91 ha.

- Sản lượng cao su khai thác là 14.701,87 tấn, đạt 105,39% so với kế hoạch 13.950 tấn, năng suất bình quân: 2 tấn/ha.

- Sản lượng cao su chế biến được 20.221,76 tấn, đạt 106,71% so với kế hoạch là 18.950 tấn. Trong đó:

+ *Chế biến mủ cao su khai thác: 14.839,22 tấn, đạt 106,37% so với kế hoạch 13.950 tấn.*

+ *Gia công chế biến được 5.382,55 tấn, đạt 107,65% so với kế hoạch 5.000 tấn*

- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 14.365,06 tấn, đạt 102,98% so với kế hoạch 13.950 tấn.

- Tổng doanh thu: 540,384 tỷ đồng, đạt 104,44% so với kế hoạch 517,4 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 152,075 tỷ đồng. Trong đó:

+ *Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 156,667 tỷ đồng.*

+ *Lợi nhuận hoạt động tài chính: -2,510 tỷ đồng*

+ *Lợi nhuận khác: -2.082 tỷ đồng*

**\* Dự án 2:** Công ty TNHH Cao su Mê Kông

- Tổng diện tích vườn cây: 5.714 ha. Trong đó: Diện tích cao su khai thác: 5.714 ha.

- Sản lượng cao su khai thác là 7.579,38 tấn, đạt 113,13% so với kế hoạch 6.700 tấn.
- Tiêu thụ sản phẩm cao su: 7.488,18 tấn, đạt 111,76% so với kế hoạch 6.700 tấn.
- Tổng doanh thu: 260,340 tỷ đồng, đạt 107,86% so với kế hoạch 241,370 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 36,986 tỷ đồng, đạt 94,83% so với kế hoạch 39 tỷ đồng. *Trong đó:*
  - + Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 58,583 tỷ đồng.
  - + Lợi nhuận hoạt động tài chính: -21,600 tỷ đồng
- \* Kết quả hợp nhất kinh doanh 02 dự án:**
  - Tổng doanh thu: 785,657 tỷ đồng, đạt 105,58% so với kế hoạch 744,148 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận trước thuế: 185,742 tỷ đồng đạt 108,79% so với kế hoạch 170,733 tỷ đồng. *Trong đó:*
    - + Lợi nhuận hoạt động SXKD cao su: 213,139 tỷ đồng.
    - + Lợi nhuận hoạt động tài chính: -24,297 tỷ đồng
    - + Lợi nhuận khác: -3.200 tỷ đồng

**\* Đánh giá chung hoạt động 02 dự án:**

Hai dự án trồng cao su đầu tư tại Vương quốc Campuchia đã đưa vào khai thác được 12.957,91 ha/ 12.957,91 ha, đạt 100% tổng diện tích vườn cây; nhà máy chế biến mủ hoạt động có hiệu quả đảm bảo công suất chế biến mủ nguyên liệu tại 02 dự án và gia công cho các đơn vị khác trong vùng.

Được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Ban Chỉ đạo Phát triển Cao su Campuchia, Văn phòng đại diện Tập đoàn tại Campuchia, Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom, cùng với sự nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn và đoàn kết một lòng của Tập thể CBCNV-NLĐ trong toàn Công ty nên trong năm 2022 đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Các chế độ chính sách, tiền lương của người lao động luôn được Công ty quan tâm và thực hiện đúng quy định đã góp phần động viên khuyến khích toàn thể CBCNV người lao động hăng say, ra sức thi đua tích cực trong hoạt động sản xuất.

Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch, sắp xếp công việc hợp lý theo từng hạng mục, thời gian cụ thể nhằm đáp ứng các nhu cầu về tài chính, lao động, vật tư và đầu tư xây dựng các công trình cần thiết để đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời chăm lo tốt cho đời sống của công nhân.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tìm mọi biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm như đấu thầu mua sắm các loại vật tư thiết bị, rà soát ban hành định mức nhân công, vật tư trong công tác XDCB và SXKD.

Song song đó, các Công ty còn làm tốt chính sách an sinh xã hội, đời sống của công nhân từng bước được nâng cao, qua đó tạo hiệu ứng tích cực mang lại sắc thái, diện mạo mới cho địa bàn dân cư quanh vùng nơi công ty trú đóng, được chính quyền nước sở tại đánh giá cao.



Trong năm 2022, Dự án 1 đã thực hiện thủ tục chuyển lợi nhuận năm 2021 về nước với số tiền **2.500.000 USD** tương đương **58,8 tỷ đồng**.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực về hoạt động sản xuất kinh doanh, 02 dự án còn gặp nhiều khó khăn như: Lực lượng lao động thường xuyên biến động, đặc biệt là lao động khai thác, việc thu tuyển lao động còn gặp nhiều khó khăn gây ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác và chế biến. Bên cạnh đó nạn trộm cắp mủ trên địa bàn Công ty mặc dù đã giảm nhiều hơn so với năm trước nhưng vẫn còn lác đác diễn ra. Mặt khác, do tình hình thị trường biến động về giá cả theo xu hướng giảm sâu nên tình hình tiêu thụ của Công ty trong năm 2022 chậm. Một số khách hàng chưa nhận hàng do giá tại thời điểm ký kết phụ lục của hợp đồng dài hạn và nguyên tắc cao hơn so với giá thị trường hiện tại dẫn đến hàng tồn kho nhiều nên cũng làm ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.

## **1.6. Công tác lao động, tiền lương**

### **a) Lao động**

- Lao động đầu kỳ: 928 người.
- Tăng trong kỳ: 90 người.
- Giảm trong kỳ: 150 người.
- Lao động cuối kỳ: 868 người.

### **b. Tiền lương**

- Tổng quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2022 là: 58,767 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 8,45 triệu đồng/người/tháng.

## **1.7. Công tác khác**

### **1.7.1. Công tác thực hiện chứng nhận các danh hiệu**

Trong năm 2022, Công ty được tổ chức GFA đánh giá và cấp chứng chỉ rừng quốc gia VFCS cho diện tích cao su: 1.999,12 ha tại NTCS Suối Ngô và tái đánh giá duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC tại NTCS Bồ Túc với diện tích cao su 2.426,99 ha. Lũy kế diện tích cao su đã được cấp chứng chỉ rừng VFCS/PEFC: 4.426,11 ha. Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện và đã được đánh giá tái cấp chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC và DDS do tổ chức SGS chứng nhận.

Công ty được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công nhận là Doanh nghiệp bền vững (nằm trong Top 100 doanh nghiệp bền vững). Như vậy, Công ty đã có 04 năm liên (2019-2022) được chứng nhận là Doanh nghiệp bền vững.

Công ty vinh dự được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh là Doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn trên Upcom thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2021-2022.

### **1.7.2. Công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất**

Công ty đã làm việc với các cơ quan ban ngành tỉnh Tây Ninh về công tác quy hoạch sử dụng đất tại Công ty CP cao su Tân Biên thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 -2025, về quy hoạch sử dụng đất chuyển đổi

sang các lĩnh vực: khu Công nghiệp, khu dân cư, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác khoáng sản mỏ đá. Trong đó:

- Quy hoạch khu công nghiệp: 1.093,01 ha.
- Khu dân cư: 299,64 ha.
- Khai thác khoáng sản mỏ đá: 77,5 ha.
- Dự án nông nghiệp công nghệ cao: 495,61 ha.
- Điện năng lượng mặt trời: 156,78 ha.

Hiện UBND tỉnh Tây Ninh và các sở ban ngành liên quan đang xem xét và xử lý các nội dung đề xuất về công tác quy hoạch sử dụng đất của Công ty.

### **1.7.3. Công tác hợp tác liên danh, liên kết**

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên diện tích đất trồng chờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa để hợp tác luân canh trồng cây mía. Diện tích đã giao đến hết tháng 12/2022: 178,13 ha ( trong đó: năm 2021: 80,58 ha, năm 2022: 97,55 ha) ; chi tiết tại các Nông trường như sau: tại NTCS Xa Mát: 60,64 ha và tại NTCS Tân Hiệp: 90,94 ha và NTCS Bồ Túc: 26,55 ha..

## **5. Đánh giá chung**

Năm 2022, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 có giảm đáng kể nhưng những hệ lụy của dịch bệnh gây ra nhiều tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tình hình chiến sự giữa Nga - Ukraina, cấm vận thương mại giữa các nước lớn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi sản xuất – kinh doanh toàn cầu, giá cả vật tư nguyên vật liệu trong nước tăng cao, khó khăn về tiếp cận nguồn vốn do chính sách thắt chặt tín dụng của Nhà nước để kiểm soát lạm phát,... gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành SXKD của các doanh nghiệp trong nước nói chung và tại Công ty nói riêng.-

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức như thiếu hụt lao động, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, năng suất vườn cây thấp, giá bán mủ giảm... nên ngay từ đầu năm Công ty đề ra nhiều giải pháp về thực hiện sản lượng, tiền lương, tiêu thụ,...nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã đề ra. Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty đạt được một số kết quả tích cực như sau: sản lượng cao su tự khai thác là 2.699,6 tấn, đạt 112,53% so với kế hoạch (2.399 tấn) và Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng khai thác vào ngày 02/12/2022 về trước kế hoạch 29 ngày; Sản lượng chế biến, tiêu thụ đạt và vượt kế hoạch đề ra, doanh thu cao su và lợi nhuận lần lượt đạt 625,267 tỷ đồng và 133,956 tỷ đồng, bằng 152,5% và 109,89% so với kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, các mặt về đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV, các chế độ chính sách cho người lao động luôn được Công ty chú trọng quan tâm hàng đầu. Từ đó, đã động viên, khuyến khích toàn thể CB-CNV tích cực trong lao động sản xuất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

Với những kết quả đạt được trong năm 2022, toàn thể CB-CNV Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên sẽ tiếp tục quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

## **B. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

### **I. Dự báo tình hình**

Dự báo, năm 2023 nền kinh tế toàn cầu còn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; tình hình chiến sự, căng vận giữa các nước lớn trên thế giới sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến khâu xuất khẩu, tiêu thụ hàng hóa của nước ta. Với hy vọng vực dậy đà tăng trưởng trong năm 2023, rất cần sự chung tay, đoàn kết giữa Chính phủ các nước để đưa ra các kế hoạch cụ thể và hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, năm 2023 được đánh giá, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để đạt được và hoàn thành vượt chỉ tiêu các nhiệm vụ đề ra trong năm 2023, Công ty xác định: Cần phải nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý từ cấp Công ty đến cấp cơ sở; Chuyển dịch dần và cơ cấu lại ngành nghề phù hợp với tình hình thực tế theo Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của Công ty giai đoạn 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 nhằm tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nguồn lực hiện có; giảm áp lực thiếu hụt lao động; tiết kiệm nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường tạo tiền đề đảm bảo tốc độ tăng trưởng và phát triển Công ty theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người lao động và đảm bảo lợi ích các cổ đông.

## **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023:**

- Tổ chức khai thác 2.314,98 ha vườn cây cao su kinh doanh, phần đầu đạt sản lượng 3.200 tấn, ( trong đó sản lượng mủ Công ty tự khai thác: 2.986 tấn, nhượng quyền khai thác: 214 tấn), năng suất bình quân đạt 1,38 tấn/ha.

- Tổ chức tốt thu mua mủ cao su bên ngoài trên địa bàn, phần đầu đạt và vượt mức 1.500 tấn.

- Chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật vườn cây KTCB với diện tích 2.609,17 ha và thực hiện tái canh vườn cây năm 2023 với diện tích 458,93 ha, phần đầu tỷ lệ sống 100%.

- Phần đầu thu nhập bình quân của người lao động đạt trên 7,3 triệu đồng/người/tháng.

- Tiếp tục cải tiến và nâng cao năng suất lao động, tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận và chia cổ tức cho cổ đông đúng kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Hỗ trợ nguồn lực để giúp đỡ Công ty con đang hoạt động tại Campuchia hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được giao.

- Tiếp tục bám sát, chủ động phối hợp với địa phương, cấp có thẩm quyền trong việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

### **2. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023:**

#### **2.1. Sản xuất kinh doanh:**

- Diện tích cao su khai thác: 2.314,98 ha.

- Diện tích cao su tái canh: 458,93 ha.

- Diện tích cao su KTCB: 2.609,17 ha.

- Sản lượng cao su khai thác: 3.200 tấn. Trong đó:

+ Cao su tự khai thác: 2.986 tấn.

+ Cao su nhượng quyền khai thác: 214 tấn.

- Năng suất bình quân: 1,38 tấn/ha.
- Sản lượng cao su thu mua tiêu điền: 1.500 tấn
- Thu mua cao su thành phẩm: 7.000 tấn.
- Sản lượng cao su chế biến: 4.486 tấn.
- Sản lượng cao su tiêu thụ: 12.500 tấn. Trong đó: Xuất khẩu & Ủy thác XK: 5.000 tấn; Nội tiêu: 7.500 tấn.
- Tổng doanh thu: 614,673 tỷ đồng. Trong đó: Doanh thu từ hoạt động SXKD cao su: 473,832 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 143,790 tỷ đồng.
- Chia cổ tức tối thiểu: 7% trên mệnh giá.
- Thu nhập bình quân: trên 7,3 triệu đồng/người/tháng.

## **2.2. Tái canh, chăm sóc vườn cây KTCB:**

- Trồng tái canh cao su: 458,93 ha.
- Chăm sóc vườn cây cao su KTCB: 2.609,17 ha.

**2.3. Tổng nhu cầu vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính:** 89,612 tỷ đồng. Trong đó:

- + Đầu tư XDCB trong năm: 71,936 tỷ đồng.
- + Khối lượng Kế hoạch XDCB năm trước chuyển sang: 17,201 tỷ đồng.
- + Trả nợ vay tín dụng dài hạn: 0,475 tỷ đồng.

## **3. Các giải pháp thực hiện**

Để hoàn thành các chỉ tiêu nêu trên Công ty cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

1. Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giữ vững sự đoàn kết thống nhất giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tập thể người quản lý và người lao động tạo nên sức mạnh tổng hợp làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt kết quả tốt.

2. Công ty tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp và đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy các đơn vị cho phù hợp tình hình thực tế. Tiếp tục chủ động phối hợp với các cơ quan chính quyền địa phương sớm phê duyệt Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của giai đoạn 2021 – 2030, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty để có cơ sở triển khai thực hiện trong thời gian tới.

3. Tiếp tục tăng cường công tác y tế về thực hiện tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, tăng cường các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho người lao động, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Tiếp tục duy trì bữa ăn giữa ca cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng bữa ăn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

4. Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản xuất ở mức thấp nhất có thể; chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, bảo đảm lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, xây dựng những mô hình tái canh phù hợp cho từng đơn vị kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, chủ

động xây dựng phương án nhượng quyền khai thác đối với diện tích thiếu lao động khai thác, xây dựng phương án hợp tác đầu tư trồng luân canh cây trồng khác trên diện tích chờ chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

6. Tăng cường công tác quản lý, khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Chú trọng công tác đào tạo tay nghề cho người lao động. Đầu tư chăm sóc, bón phân trọng điểm. Triển khai tổ chức thực hiện chế độ cạo phù hợp trên toàn bộ diện tích vườn cây kinh doanh.

7. Tổ chức thu mua mủ cao su tiểu điền trên địa bàn và nhận gia công mủ cao su để tận dụng hết công suất của Nhà máy, tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo kinh doanh có lãi, tăng doanh thu, tăng thu nhập cho người lao động.

8. Tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ mới, giữ gìn mối quan hệ với khách hàng truyền thống, đảm bảo việc khai thác, chế biến đến đâu bán hàng hết đến đó, không để tồn kho nhiều.

9. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mủ, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.

10. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC17025:2017; Vận hành quản lý hệ thống chuỗi hành trình sản phẩm CoC từ khâu khai thác đến khâu tiêu thụ sản phẩm, điều chỉnh tỷ trọng chế biến theo hướng tăng chủng loại sản phẩm có nhu cầu của thị trường cao hơn, có giá trị gia tăng nhiều hơn.

11. Chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, thường xuyên chọn cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo dài hạn, ngắn hạn, cập nhật các chế độ chính sách mới nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho người quản lý và người lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình mới, chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tiếp tục xem xét bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đồng thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ điều kiện, năng lực công tác.

12. Thực hiện tốt công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động; chủ động tìm kiếm nguồn lao động và tuyển dụng kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất; có những biện pháp thiết thực để chăm lo cho đời sống của người lao động tốt hơn. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc, đồng thời xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

13. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chính quyền địa phương trong việc thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững đối với diện tích rừng cao su còn lại nhằm nâng cao giá trị sản phẩm của Công ty nói riêng và thương hiệu của Tập đoàn nói chung.

14. Tập trung tái cơ cấu, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư ở Công ty con (2 dự án tại Campuchia) và các Công ty liên doanh, liên kết để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

Với những thành tích đã đạt được trong năm 2022, Tập thể Lãnh đạo, CB.CNV người lao động Công ty tiếp tục cố gắng, khắc phục khó khăn, đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm thực hiện hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã đề ra. Tiếp tục xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên./.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua./.

***Nơi nhận:***

- ĐHCĐTN năm 2023;
- HĐQT, BKS, B.TGD Cty;
- Lưu: VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CÁC PHỤ LỤC**  
**PHỤ LỤC 1**

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	TH năm 2022	% TH/KH
* Diện tích cao su khai thác.	Ha	2.576,53	2.576,53	100%
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	Ha	2.034,09	2.034,09	100%
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	Ha	542,44	542,44	100%
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.780,05	2.780,05	100%
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	358,76	358,76	100%
* Diện tích cao su tái canh	Ha	192,97	192,97	100%
* Sản lượng cao su khai thác.	Tấn	3.120	3.420,6	109,63%
<i>- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác</i>	Tấn	2.399	2.699,6	112,53%
<i>- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác</i>	Tấn	721	721	100%
* Sản lượng thu mua cao su tiểu điền	Tấn	1.200	1.581	131,75%
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	7.000	13.219	188,84%
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,21	1,33	109,64%
* Sản lượng cao su chế biến.	Tấn	3.599	4.335	120,45%
<i>- Mủ công ty</i>	Tấn	2.399	2.766	115,30%
<i>- Mủ thu mua</i>	Tấn	1.200	1.569	130,75%
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	11.000	16.144	146,76%
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	530,010	778,860	146,95%
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	Tỷ đồng	410	625,267	152,50%
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	37,27	38,73	103,91%
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	Triệu đồng/tấn	39,50	39,05	98,85%
<i>Giá bán tiêu thụ mủ cao su thu mua</i>	Triệu đồng/tấn	39,50	42,32	107,14%
<i>Giá bán tiêu thụ hàng hóa cao su</i>	Triệu đồng/tấn	36,00	38,22	106,17%
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	62,235	33,287	53,48%
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	121,9	137,846	113,08%
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu	%	5,00	16,5	330%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	14%	15,75%	112,5%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	23%	17,70%	76,95%
* Nợ ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	46,11	74,328	161,2%
* Lao động bình quân	Người	1.179	957	81,17%
* Thu nhập bình quân	Trđ/người/tháng	7,0	8,45	120,71%

## PHỤ LỤC 2 CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023



<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch năm 2023</b>
* Diện tích cao su khai thác	Ha	2.314,98
<i>Trong đó: Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>2.146,52</i>
<i>Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>168,46</i>
* Diện tích cao su KTCB	Ha	2.609,17
* Diện tích cao su thanh lý trong kỳ	Ha	625,40
* Diện tích cao su tái canh	Ha	458,93
* Sản lượng cao su khai thác.	Tấn	3.200
- Sản lượng cao su Công ty tự khai thác	Tấn	2.986
- Sản lượng cao su nhượng quyền khai thác	Tấn	214
* Sản lượng thu mua cao su tiêu điện	Tấn	1.500
* Sản lượng thu mua cao su thành phẩm	Tấn	7.000
* Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,38
* Sản lượng cao su chế biến	Tấn	4.486
* Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	12.500
* Tổng doanh thu	Tỷ đồng	614,673
<i>Trong đó: Doanh thu cao su khai thác, thu mua và hàng hóa cao su</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>473,832</i>
* Giá thành tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	36,92
<i>Trong đó: Giá thành tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>34,01</i>
* Giá bán tiêu thụ cao su bình quân	Triệu đồng/tấn	37,91
<i>Trong đó: Giá bán tiêu thụ mủ cao su khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>38,02</i>
* Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	89,61
* Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	143,790
* Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá) tối thiểu	%	7
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn ĐL	%	16%
* Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	23%
* Tổng nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	60,49
* Lao động bình quân	Người	1.088
* Thu nhập bình quân	Trđ/người/ tháng	7,3

## TỜ TRÌNH

### V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  
Công ty Cổ phần cao su Tân Biên

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2022 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;*

*Căn cứ công văn số 204/HĐQTCsvn-TCKT ngày 08/05/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, cụ thể như sau:

#### **1. Thông qua kết quả Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2022 (từ 01/01/2022 đến 31/12/2022) đã kiểm toán:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ( Báo cáo tài chính được đăng tải trên website của Công ty [www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn) và công bố thông tin theo đúng quy định.)

#### **2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận được phân phối</b>	<b>157.203.719.700</b>
1	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối đến 31/12/2022	49.833.702.982
2	Lợi nhuận phát sinh năm 2022	107.370.016.718
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận (1+2+3)</b>	<b>154.695.013.000</b>

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>1</b>	<b>Chia cổ tức (16,5%/VĐL). Trong đó:</b>	<b>145.109.250.000</b>
1.1	Đã tạm chia trong năm 2022 (5%)	43.972.500.000
1.2	Chia thêm (11,5%)	101.136.750.000
<b>2</b>	<b>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>9.376.963.000</b>
	Trích quỹ khen thưởng (10%)	937.696.300
	Trích quỹ phúc lợi (90%)	8.439.266.700
<b>3</b>	<b>Trích quỹ thưởng người quản lý</b>	<b>208.800.000</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>2.508.706.700</b>

Trên đây là nội dung Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2022 (từ 01/01/2022 đến 31/12/2022) đã được kiểm toán và Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên xem xét biểu quyết thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐTN 2023;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch
Ông Trương Văn Cư	Thành viên
Ông Dương Tấn Phong	Thành viên
Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Cư	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban
Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Trưởng Ban Tổng Giám đốc



**Trương Văn Cư**

Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of  International

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2020-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		636.734.164.090	661.257.995.285
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	190.370.055.465	265.828.817.260
111	1. Tiền		99.571.267.084	97.199.031.412
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.798.788.381	168.629.785.848
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	103.261.328.987	117.683.093.025
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		103.261.328.987	117.683.093.025
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		31.026.517.504	17.580.401.551
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	13.012.593.555	9.647.300.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	13.966.704.214	6.641.291.772
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	6.712.091.253	4.257.680.260
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.664.871.518)	(2.965.870.674)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	235.912.223.307	192.172.888.091
141	1. Hàng tồn kho		257.282.401.928	192.172.888.091
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.370.178.621)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		76.164.038.827	67.992.795.358
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	926.576.551	952.606.984
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		73.483.022.984	64.301.078.688
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.754.439.292	2.739.109.686
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		2.132.687.968.217	2.138.608.623.667
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		3.508.795.590	3.376.266.390
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	3.508.795.590	3.376.266.390
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		1.869.954.527.419	1.778.566.969.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.868.438.241.556	1.776.718.797.691
222	- Nguyên giá		2.646.966.501.117	2.434.568.011.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(778.528.259.561)	(657.849.213.644)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.516.285.863	1.848.172.283
228	- Nguyên giá		3.902.135.265	3.803.908.688
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.385.849.402)	(1.955.736.405)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		159.508.921.056	273.265.043.973
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	159.508.921.056	273.265.043.973
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	61.175.985.112	61.242.797.034
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.283.696.817	21.986.617.757
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.414.158.446)	(2.050.267.464)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		38.539.739.040	22.157.546.296
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	30.487.917.180	13.154.120.585
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.a	8.051.821.860	9.003.425.711
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.769.422.132.307</b>	<b>2.799.866.618.952</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>550.073.508.063</b>	<b>724.251.925.978</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>289.107.115.924</b>	<b>380.458.522.103</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	13.775.416.234	42.352.919.468
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	11.863.107.038	22.313.257.606
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.437.996.781	1.425.010.690
314	4. Phải trả người lao động		64.242.191.549	90.257.445.807
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.094.480.428	4.727.690.513
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	52.634.576.186	136.600.928.276
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	51.029.341.724	59.062.592.892
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		37.030.005.984	23.718.676.851
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>260.966.392.139</b>	<b>343.793.403.875</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	250.019.424.576	332.846.436.312
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.219.348.624.244</b>	<b>2.075.614.692.974</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>2.219.348.624.244</b>	<b>2.075.614.692.974</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		109.727.142.373	79.820.909.937
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		193.158.422.199	139.240.069.487
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>		41.615.660.563	18.701.066.285
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		151.542.761.636	120.539.003.202
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		741.759.737.272	681.850.391.150
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.769.422.132.307</b>	<b>2.799.866.618.952</b>

Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	937.898.663.202	892.373.530.353
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	1.164.914.231	1.513.982.600
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		936.733.748.971	890.859.547.753
11	4. Giá vốn hàng bán	25	622.107.144.677	553.985.586.552
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		314.626.604.294	336.873.961.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	28.532.402.782	21.759.014.973
22	7. Chi phí tài chính	27	41.534.720.882	44.838.618.120
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.298.697.574	38.524.028.608
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(702.920.940)	(553.837.263)
25	9. Chi phí bán hàng	28	37.587.117.034	38.437.011.666
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	62.189.833.945	61.516.835.060
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		201.144.414.275	213.286.674.065
31	12. Thu nhập khác	30	138.049.524.274	160.886.780.792
32	13. Chi phí khác	31	11.550.021.943	4.803.035.692
40	14. Lợi nhuận khác		126.499.502.331	156.083.745.100
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		327.643.916.606	369.370.419.165
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	61.832.606.158	33.707.656.587
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.b	951.603.851	(3.248.852.525)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>264.859.706.597</u>	<u>338.911.615.103</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		201.515.261.636	252.456.503.202
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		63.344.444.961	86.455.111.901
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.223	2.561

Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		327.643.916.606	369.370.419.165
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		122.257.431.929	107.015.535.986
03	- Các khoản dự phòng		20.433.070.447	(2.538.896.639)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.672.549.970)	1.303.486.132
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(128.415.472.851)	(155.904.506.918)
06	- Chi phí lãi vay		25.298.697.574	38.524.028.608
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		362.545.093.735	357.770.066.334
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(22.127.130.502)	2.025.565.470
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(65.109.513.837)	(71.893.041.213)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(43.553.962.895)	12.581.603.840
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.307.766.162)	6.849.168.299
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.310.529.466)	(38.847.174.969)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.675.766.844)	(44.287.324.906)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.515.200.639)	(19.672.044.306)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		77.945.223.390	204.526.818.549
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.583.707.342)	(96.269.675.891)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		118.353.160.941	142.498.440.015
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.000.000.000)	(71.199.357.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		36.421.764.038	67.534.571.188
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.470.157.280
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.258.845.749	14.835.351.243
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		92.450.063.386	64.869.486.835
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.271.010.308	2.885.725.314
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(115.306.227.050)	(262.622.262.959)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(165.243.466.300)	(89.134.607.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(266.278.683.042)	(348.871.144.645)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(95.883.396.266)	(79.474.839.261)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		265.828.817.260	352.374.969.628
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.424.634.471	(7.071.313.107)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>190.370.055.465</u>	<u>265.828.817.260</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 879.450.000.000 VND, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 879.450.000.000 VND, tương đương 87.945.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 3.629 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 3.449 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Trồng cây cao su, khai thác và chế biến mù cao su.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa), động vật sống. Chi tiết: Bán buôn cây cao su giống;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất chai nhựa PET;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và sản phẩm khác từ plastic;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm. Chi tiết: Cây cao su giống;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng cây hàng năm khác.

#### Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty con trực tiếp</b>				
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	58,97%	58,97%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su
<b>Công ty con gián tiếp</b>				
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Tỉnh Kampong Thom, Cambodia	58,97%	100,00%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su
Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông	Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	58,97%	100,00%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su
Công ty TNHH Cao su Mê Kông	Tỉnh Kampong Thom, Cambodia	58,97%	100,00%	Trồng, chăm sóc và chế biến cao su



**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



**2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời gian sử dụng đất

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần) về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01/01/2010 như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)	Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
- Năm thứ 1	2,5	- Năm thứ 11	7,0
- Năm thứ 2	2,8	- Năm thứ 12	6,6
- Năm thứ 3	3,5	- Năm thứ 13	6,2
- Năm thứ 4	4,4	- Năm thứ 14	5,9
- Năm thứ 5	4,8	- Năm thứ 15	5,5
- Năm thứ 6	5,4	- Năm thứ 16	5,4
- Năm thứ 7	5,4	- Năm thứ 17	5,0
- Năm thứ 8	5,1	- Năm thứ 18	5,0
- Năm thứ 9	5,1	- Năm thứ 19	5,2
- Năm thứ 10	5,0	- Năm thứ 20	còn lại

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây Cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây Cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

## 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản và chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản bao gồm các chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác trồng và chăm sóc, chi phí nhân công và các khoản chi phí chung khác có liên quan. Các vườn cây kiến thiết cơ bản được ghi nhận tăng tài sản cố định khi đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần, thông thường chu kỳ đầu tư khoảng 7-8 năm tùy vào tiêu chuẩn kỹ thuật của từng năm trồng. Và chi phí xây dựng cơ bản chưa hoàn thành bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:



- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 24 tháng.

#### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và các trường hợp khác theo quy định pháp

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.



**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 1, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến, thanh lý mù cao su ở địa bàn tỉnh Tây Ninh. Đối với thu nhập khác thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác, thanh lý vườn cây cao su,..., Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 20%.

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.27 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	7.569.387.591	6.607.507.386
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.560.975.889	90.591.524.026
Tiền đang chuyển	22.440.903.604	-
Các khoản tương đương tiền (*)	90.798.788.381	168.629.785.848
	<b>190.370.055.465</b>	<b>265.828.817.260</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 90.798.788.381 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,0%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (*)	103.261.328.987	-	117.683.093.025	-
	<b>103.261.328.987</b>	<b>-</b>	<b>117.683.093.025</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 103.261.328.987 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị	MDF	26.263.809.000	-	6,11	26.263.809.000	-	6,11
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su		2.050.267.464	(1.414.158.446)	3,05	2.050.267.464	(2.050.267.464)	3,05
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco		11.593.170.277	-	1,20	11.593.170.277	-	1,20
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	VRG	1.399.200.000	-	1,80	1.399.200.000	-	1,80
		<b>41.306.446.741</b>	<b>(1.414.158.446)</b>		<b>41.306.446.741</b>	<b>(2.050.267.464)</b>	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****c) Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2022			01/01/2022			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	21,60%	21,60%	21.283.696.817	21,60%	21,60%	21.986.617.757
				<b>21.283.696.817</b>			<b>21.986.617.757</b>

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,11%	6,11%	Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	3,05%	3,05%	Thương mại, dịch vụ
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco	Tỉnh Quảng Trị	1,20%	1,20%	Trồng cây cao su
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	1,80%	1,80%	Đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>3.903.390.066</b>	-	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.684.235.370	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Cao su C.R.C.K	219.154.696	-	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>9.109.203.489</b>	-	<b>9.647.300.193</b>	<b>(374.588.220)</b>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hiệp Thành	3.775.481.600	-	-	-
OPC - FAO International Limited	1.248.488.818	-	9.259.850.543	-
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	4.076.362.785	-	-	-
Khác	8.870.286	-	387.449.650	(374.588.220)
	<b>13.012.593.555</b>	<b>-</b>	<b>9.647.300.193</b>	<b>(374.588.220)</b>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty TNHH Xây dựng - Cầu đường Nam Phát	1.747.983.074	-	798.041.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến	411.055.600	-	246.186.200	-
Công ty Ngôi sao Mekong	2.140.926.587	(2.140.926.587)	2.081.805.994	(2.081.805.994)
Công ty TNHH Thiết bị và Hóa chất Nhật Minh	480.362.400	-	-	-
Công ty Eng Heng	523.944.931	(523.944.931)	509.476.460	(509.476.460)
Sy Tien Agricultural Co., Ltd	1.633.684.937	-	1.744.152.416	-
Ngan Huy Hoang Construction & Import Export Co., Ltd	1.179.695.861	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Rừng	2.941.689.962	-	-	-
Công ty TNHH Nhà Rừng Envi-Tech	1.058.613.164	-	-	-
Trả trước người bán khác	1.848.747.698	-	1.261.629.302	-
	<b>13.966.704.214</b>	<b>(2.664.871.518)</b>	<b>6.641.291.772</b>	<b>(2.591.282.454)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	01/01/2022		Trong kỳ			31/12/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	CLTG do chuyển đổi báo cáo tài chính	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Đông Bắc Campuchia (*)	3.376.266.390	-	-	-	132.529.200	3.508.795.590	-
	<b>3.376.266.390</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>132.529.200</b>	<b>3.508.795.590</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng vay số 02/HĐVV ngày 30/9/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Hạn mức cho vay: 250.000,00 USD;

+ Mục đích vay: Để Công ty TNHH Phát triển Đông Bắc Campuchia nhận sang nhượng lại đất của Phó Thủ tướng Campuchia Yim Chhay Ly;

+ Thời hạn của hợp đồng: Không xác định thời hạn;

+ Lãi suất cho vay: 0%/năm;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 150.000,00 USD tương đương 3.376.266.390 VND;

+ Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.989.332.931	-	1.522.839.013	-
- Tạm ứng	390.793.573	-	78.554.465	-
- Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	-	-
- Phải thu tiền bảo hiểm nhân thọ	-	-	2.500.000	-
- Phải thu về vật tư giao khoán, tiền ăn giữa ca của các nông trường	3.089.283.376	-	1.417.250.341	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	346.673.243	-	434.534.321	-
- Phải thu tiền thuê đất, phí quản lý các hộ giao khoán	398.864.031	-	341.840.447	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	-	-	233.766.940	-
- Phải thu khác	147.144.099	-	226.394.733	-
	<b>6.712.091.253</b>	<b>-</b>	<b>4.257.680.260</b>	<b>-</b>

## 9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Anmady Group	-	-	374.588.220	-
- Công ty Eng Heng	523.944.931	-	509.476.460	-
- Công ty Ngôi sao Mekong	2.140.926.587	-	2.081.805.994	-
	<b>2.664.871.518</b>	<b>-</b>	<b>2.965.870.674</b>	<b>-</b>

## 10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.640.212.546	-	12.327.629.734	-
Công cụ, dụng cụ	5.453.594.051	-	4.555.357.835	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.530.259.462	-	17.001.211.923	-
Thành phẩm	97.498.223.115	(5.170.534.491)	79.593.481.749	-
Hàng hoá	130.160.112.754	(16.199.644.130)	78.695.206.850	-
	<b>257.282.401.928</b>	<b>(21.370.178.621)</b>	<b>192.172.888.091</b>	<b>-</b>



## 11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Vườn cây tại Việt Nam <sup>(1)</sup></b>	<b>145.658.713.742</b>	<b>139.416.625.359</b>
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2013	-	-
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2014	-	16.638.329.554
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2015	19.981.476.290	19.912.577.435
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2016	22.911.009.466	20.503.205.206
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2017	29.244.208.176	26.352.924.835
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2018	17.249.498.743	14.980.498.224
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2019	22.316.259.775	19.131.079.047
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2020	17.270.084.125	14.260.629.400
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2021	11.545.808.939	7.637.381.658
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2022	5.140.368.228	-
<b>Vườn cây tại Vương quốc Campuchia <sup>(1)</sup></b>	<b>-</b>	<b>119.578.722.504</b>
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2013	-	30.580.465.704
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2014	-	79.283.282.487
- Vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2015	-	9.714.974.313
<b>Các công trình, chi phí khác</b>	<b>13.850.207.314</b>	<b>14.269.696.110</b>
- Công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp cơ khí chế biến <sup>(2)</sup>	6.800.300.772	6.800.300.772
- Công trình cải tạo, nâng cấp và sửa chữa đường lô Nông trường cao su Bồ Túc	-	1.073.131.523
- Hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp cơ khí chế biến	-	1.267.790.910
- Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến mũ	3.081.728.832	-
- Chi phí khác	3.968.177.710	5.128.472.905
	<b>159.508.921.056</b>	<b>273.265.043.973</b>

- (1) Vườn cây kiến thiết cơ bản của Công ty được trồng tại tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và Cambodia, dự kiến sau 06 năm sẽ đưa vào khai thác. Riêng vườn cây kiến thiết cơ bản tại Cambodia có thời gian đưa vào khai thác lâu hơn do điều kiện trồng kém thuận lợi hơn.
- (2) Quyết định số 132/QĐ-HĐQTCSTB ngày 26/08/2020 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng với các nội dung cụ thể sau:
- Tên Dự án: Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (công suất 950 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) tại Xí nghiệp Cơ khí chế biến - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
  - Mục tiêu đầu tư xây dựng:
    - + Đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải cột A, QCVN01-MT:2015/BTNMT với hệ số  $kq = 0,9$ ;  $kf=1$ ;
    - + Độ ổn định chất lượng nước thải sau xử lý là tuyệt đối;
    - + Tạo ra một quy trình vận hành, xử lý tiên tiến có chi phí vận hành thấp, hệ số an toàn cao, dễ điều hành và kiểm soát;
    - + Xin cấp phép xả thải và xử lý bùn thải sau khi ép khô làm chất cải tạo đất;
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
  - Nguồn vốn đầu tư: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
  - Quy mô của dự án:
    - + Công suất xả thải: 950 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
    - + Tiêu chuẩn: Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải cột A, QCVN01-MT:2015/BTNMT với hệ số  $kq=0,9$ ;  $kf=1$ ;
  - Tổng mức đầu tư: 11.528.260.000 VND;
  - Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: 300 ngày;
  - Tại thời điểm 31/12/2022, dự án đang trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và chuẩn bị chạy thử.





## 13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	1.721.934.135	1.162.296.721	919.677.832	3.803.908.688
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	48.900.698	23.208.220	26.117.659	98.226.577
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.770.834.833</b>	<b>1.185.504.941</b>	<b>945.795.491</b>	<b>3.902.135.265</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	1.244.062.346	685.847.489	25.826.570	1.955.736.405
- Khấu hao trong kỳ	164.468.716	89.595.048	131.844.001	385.907.765
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC (*)	34.675.286	9.321.153	208.793	44.205.232
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.443.206.348</b>	<b>784.763.690</b>	<b>157.879.364</b>	<b>2.385.849.402</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	477.871.789	476.449.232	893.851.262	1.848.172.283
Tại ngày cuối kỳ	<b>327.628.485</b>	<b>400.741.251</b>	<b>787.916.127</b>	<b>1.516.285.863</b>

(\*) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên Kampong Thom và Công ty TNHH Cao su Mê Kông (là Công ty con của Công ty TNHH MTV Cao su Mê Kông) từ đồng KHR sang VND.

## 14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	41.320.833
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	131.475.750	238.191.667
Chi phí mua bảo hiểm	87.694.311	87.798.922
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	707.406.490	585.295.562
	<b>926.576.551</b>	<b>952.606.984</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	10.317.832.917	383.406.587
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.334.208.967	9.488.518.022
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.835.875.296	3.282.195.976
	<b>30.487.917.180</b>	<b>13.154.120.585</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	-	-	<b>687.742.148</b>	<b>687.742.148</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	-	-	483.143.348	483.143.348
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	-	-	204.598.800	204.598.800
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>13.775.416.234</b>	<b>13.775.416.234</b>	<b>41.665.177.320</b>	<b>41.665.177.320</b>
- Công ty TNHH Piseth Lykung	287.676.654	287.676.654	3.786.255.949	3.786.255.949
- Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Long Vanna	5.535.985.184	5.535.985.184	9.958.443.098	9.958.443.098
- Ngan Huy Hoang Construction & Import Export Co., Ltd	1.517.028.493	1.517.028.493	6.218.948.310	6.218.948.310
- Cửa hàng Xăng dầu Sokimex 102	1.784.015.661	1.784.015.661	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc Campuchia	2.157.432.708	2.157.432.708	2.075.277.794	2.075.277.794
- Công ty TNHH Viho	-	-	568.147.181	568.147.181
- Phải trả các đối tượng khác	2.493.277.534	2.493.277.534	19.058.104.988	19.058.104.988
	<b>13.775.416.234</b>	<b>13.775.416.234</b>	<b>42.352.919.468</b>	<b>42.352.919.468</b>



## 16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>76.210.189</b>	<b>261.403.632</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	64.562.400	261.403.632
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	11.647.789	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>11.786.896.849</b>	<b>22.051.853.974</b>
- Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi	-	5.444.175.964
- Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	4.249.086.008	2.532.719.929
- Công ty TNHH Gia Phú Anh	3.672.648.000	-
- Cambodia Guaxing Yi Qun Lang Plywood Co., Ltd	-	1.888.201.392
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hiệp Thành	324.285.876	-
- Công ty TNHH Đăng Quang	-	6.620.572.812
- Công ty TNHH Thương mại Song Hà Trading	-	652.313.200
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.540.876.965	4.913.870.677
	<b>11.863.107.038</b>	<b>22.313.257.606</b>

## 17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	CLTG do chuyển đổi BCTC	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	25.076.267.387	25.039.401.086	275.310	-	37.141.611
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	531.161.398	446.085.055	635.332	-	85.711.675
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	747.777.583	8.764.877.827	9.429.842.550	16.517.430	-	99.330.290
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.233.721	26.475.087	102.722.653.709	68.675.766.844	233.623.799	-	33.055.752.030
Thuế Thu nhập cá nhân	1.469.869.173	-	5.256.523.328	5.449.180.574	-	1.662.526.419	-
Thuế Tài nguyên	-	9.011.379	87.368.200	87.915.600	-	6.557.781	15.021.760
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	21.235.204.792	21.235.204.792	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	625.894.731	1.296.946.598	1.936.050.255	13.208.926	-	-
Các loại thuế khác	18.006.792	11.857.491	16.130.580.371	1.338.707.237	111.306.184	85.355.092	14.982.385.109
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.994.419	4.930.588.123	4.772.058.756	130.520	-	162.654.306
	<b>2.739.109.686</b>	<b>1.425.010.690</b>	<b>186.032.171.733</b>	<b>138.410.212.749</b>	<b>375.697.501</b>	<b>1.754.439.292</b>	<b>48.437.996.781</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	86.666.239	125.067.879
- Chi phí thu mua mù nguyên liệu	1.006.073.527	104.318.876
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu	142.340.000	179.372.159
- Trích trước tiền thuê đất tại Cambodia	3.404.324.857	3.309.251.840
- Trích trước tiền thâm niên phải trả cán bộ công nhân viên	4.629.650.520	-
- Chi phí phải trả khác	825.425.285	1.009.679.759
	<b>10.094.480.428</b>	<b>4.727.690.513</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Chi tiết</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.526.574.600	1.715.382.640
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	44.098.355.200	130.191.321.500
- Phải trả lãi vay	26.569.748	-
- Bảo hành công trình	1.985.576.908	2.852.541.066
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	114.016.579	-
- Quỹ ủng hộ, quỹ từ thiện, quỹ tình thương nhân viên đóng góp	230.820.444	381.224.444
- Phải trả tiền vật tư giao khoán cho công nhân các nông trường	190.423.789	373.464.122
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	262.618.204	27.581.947
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.199.620.714	1.059.412.557
	<b>52.634.576.186</b>	<b>136.600.928.276</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	43.295.276.500	129.885.829.500
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	-	214.313.641
	<b>43.295.276.500</b>	<b>130.100.143.141</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ			31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	CLTG do chuyển đổi báo cáo tài chính	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
<b>a) Vay dài hạn đến hạn trả</b>							
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	184.896.000	184.896.000	184.896.000	184.896.000	-	184.896.000	184.896.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phnom Penh <sup>(3)</sup>	58.877.696.892	58.877.696.892	52.897.984.969	62.550.676.304	1.619.440.167	50.844.445.724	50.844.445.724
	<b>59.062.592.892</b>	<b>59.062.592.892</b>	<b>53.082.880.969</b>	<b>62.735.572.304</b>	<b>1.619.440.167</b>	<b>51.029.341.724</b>	<b>51.029.341.724</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>							
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	4.171.696.768	4.171.696.768	-	184.896.000	-	3.986.800.768	3.986.800.768
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh <sup>(2)</sup>	4.759.000.000	4.759.000.000	10.000.000.000	-	-	14.759.000.000	14.759.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phnom Penh <sup>(3)</sup>	382.978.332.436	382.978.332.436	4.271.010.308	115.121.331.050	10.174.953.838	282.302.965.532	282.302.965.532
	<b>391.909.029.204</b>	<b>391.909.029.204</b>	<b>14.271.010.308</b>	<b>115.306.227.050</b>	<b>10.174.953.838</b>	<b>301.048.766.300</b>	<b>301.048.766.300</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(59.062.592.892)	(59.062.592.892)	(53.082.880.969)	(62.735.572.304)	(1.619.440.167)	(51.029.341.724)	(51.029.341.724)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>332.846.436.312</b>	<b>332.846.436.312</b>				<b>250.019.424.576</b>	<b>250.019.424.576</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0200046457/15/2014/HĐTĐH-PN/SHB.130100 ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 38.150.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ đắp chi phí tái canh vườn cây cao su trong năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên);
- Thời hạn cho vay: 228 tháng (19 năm);
- Lãi suất cho vay: 10,3%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m<sup>2</sup> tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.986.800.768 VND. Trong đó, số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới: 184.896.000 VND.

(2) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 019/TNBB/19DH ngày 19/08/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 89.374.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư thực hiện Dự án tái canh vườn cây cao su (giai đoạn 2016 - 2020);
- Thời hạn cho vay: 10 năm;
- Lãi suất cho vay: 9,7%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 1.191,75 ha tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BM 189986 và BM 189987, số vào sổ cấp GCN CS01408 và CS01409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20/01/2016; toàn bộ quyền tài sản liên quan đến vườn cây cao su trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 189986, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 189987;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 14.759.000.000 VND.

(3) Số dư tại ngày 31/12/2022 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

3.1 Hợp đồng tín dụng dài hạn số 160/2018/HDTD-PN/SHB.210000 ngày 30/10/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 18.500.000,00 USD;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và Đầu tư trồng mới, chăm sóc 7.500 hecta cao su tại huyện Santuk, tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng, ân hạn 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: 7,25%/năm, Phí quản lý cấp tín dụng: 0,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay:
  - + Toàn bộ số dư tiền gửi bằng đồng KHR và ngoại tệ của Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
  - + Các khoản phải thu theo Hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đối tác mà Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom là người thụ hưởng;
  - + Thế chấp các quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 148/2018/HDTC-PN/SHB.210000 và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho các nghĩa vụ tại ngân hàng;
- Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ: 3.618.356,98 USD, tương đương 85.738.029.902 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới: 723.671,4 USD tương đương 17.147.606.075 VND.



3.2 Hợp đồng tín dụng dài hạn số 163/2018/HDTD-PN/SHB.210000 ngày 05/11/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 14.400.000,00 USD;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và Đầu tư trồng mới, chăm sóc 6.750 hecta cao su tại tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng ;
- Lãi suất cho vay: 6%/năm, Phí quản lý cấp tín dụng: 0,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay:
  - + Toàn bộ số dư tiền gửi bằng đồng KHR và ngoại tệ của Công ty TNHH Cao su Mê Kông (Công ty con gián tiếp) tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
  - + Các khoản phải thu theo Hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH Cao su Mê Kông (Công ty con gián tiếp) với các đối tác mà Công ty TNHH Cao su Mê Kông là người thụ hưởng;
  - + Thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 150/2018/HDTG-PN/SHB.210000 và các tài sản gắn liền với đất;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 8.295.526,59 USD tương đương 196.564.935.630 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới: 1.422.090,00 USD, tương đương 33.696.839.649 VND.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản <sup>(1)</sup>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>49.139.022.270</b>	<b>100.343.294.603</b>	<b>200.906.887.455</b>	<b>119.960.326.960</b>	<b>610.312.626.555</b>	<b>1.960.112.157.843</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	252.456.503.202	86.455.111.901	338.911.615.103
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	45.207.412.675	(45.207.412.675)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.079.348.000)	-	(12.079.348.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(43.972.500.000)	-	(43.972.500.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	(131.917.500.000)	-	(131.917.500.000)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC <sup>(2)</sup>	-	-	(20.522.384.666)	-	-	(14.917.347.306)	(35.439.731.972)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>49.139.022.270</b>	<b>79.820.909.937</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>139.240.069.487</b>	<b>681.850.391.150</b>	<b>2.075.614.692.974</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>49.139.022.270</b>	<b>79.820.909.937</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>139.240.069.487</b>	<b>681.850.391.150</b>	<b>2.075.614.692.974</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	201.515.261.636	63.344.444.961	264.859.706.597
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(26.919.479.000)	-	(26.919.479.000)
Trích Quỹ khen thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	(327.375.000)	-	(327.375.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	(35.178.000.000)	-	(35.178.000.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ này <sup>(3)</sup>	-	-	-	-	(43.972.500.000)	-	(43.972.500.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận kỳ này <sup>(4)</sup>	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Nộp bổ sung thuế TNDN của các kỳ trước	-	-	-	-	(24.112.916.930)	(16.777.130.621)	(40.890.047.551)
Thuế phải nộp cho Vương quốc Campuchia	-	-	-	-	(11.086.637.994)	(7.713.789.846)	(18.800.427.840)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC <sup>(2)</sup>	-	-	29.906.232.436	-	-	21.055.821.628	50.962.054.064
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>49.139.022.270</b>	<b>109.727.142.373</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>193.158.422.199</b>	<b>741.759.737.272</b>	<b>2.219.348.624.244</b>

(1) Chênh lệch đánh giá lại tài sản giá trị 49.139.022.270 VND là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư Công ty mẹ và phần sở hữu của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con tại thời điểm cổ phần hóa.

(2) Chênh lệch do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampong Thom và Công ty TNHH Cao su Mê Kông (là Công ty con của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom) từ đồng KHR sang VND.

(3) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 279/NQ-HDQTCTB ngày 25/11/2022 (5% vốn điều lệ) của Hội đồng quản trị.

(4) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp từ lợi nhuận năm 2022 theo Công văn số 796/HDQTCSVN-LĐTL ngày 29/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần với mức trích lập tối đa bằng 70% của 02 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người lao động Công ty.



## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐCSTB ngày 15/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
<i>Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021 của Công ty mẹ</i>		142.872.506.945
<i>Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty mẹ từ các kỳ trước để lại</i>		101.303.550.037
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100	244.176.056.982
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,02	26.919.479.000
Trích Quỹ khen thưởng viên chức quản lý	0,13	327.375.000
Chi trả cổ tức (10% vốn điều lệ)	68,43	167.095.500.000
Trong đó:		
- Cổ tức đã tạm chia trong kỳ trước (15% vốn điều lệ)		131.917.500.000
- Cổ tức còn lại chia trong kỳ này (4% vốn điều lệ)		35.178.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,41	49.833.702.982

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	98,46	865.905.530.000	98,46	865.905.530.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	1,54	13.544.470.000	1,54	13.544.470.000
	<b>100</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>100</b>	<b>879.450.000.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	879.450.000.000	879.450.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	879.450.000.000	879.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	35.178.000.000	17.589.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	43.972.500.000	87.945.000.000

## d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại xã Suối Dây, xã Suối Ngô, xã Thạnh Đông, xã Tân Hiệp, xã Tân Hòa thuộc huyện Tân Châu và xã Tân Lập, xã Thạnh Bình thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để sử dụng với mục đích: trồng, khai thác, chế biến cao su, xây dựng nhà làm việc và các công trình sản xuất kinh doanh dịch vụ khác. Thời hạn thuê từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054. Diện tích khu đất thuê là 67.777.844,8 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích đất phải nộp tiền thuê đất là 66.135.820 m<sup>2</sup>, diện tích đất không phải nộp tiền thuê đất là 1.642.024,8 m<sup>2</sup>).
- Hợp đồng thuê đất tại tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia để sử dụng với mục đích trồng cao su. Thời hạn thuê từ năm 2010 đến năm 2060. Diện tích khu đất thuê là 6.016,24 ha.
- Hợp đồng thuê đất tại tỉnh Kampong Thom, Vương quốc Campuchia để sử dụng với mục đích trồng cao su. Thời hạn thuê từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 7.766,9 ha.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	239.335,41	2.732.308,45

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Eksambath Company	461.871.194	461.871.194
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	455.793.000	455.793.000
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Tân Phước Tà	1.065.745.200	1.065.745.200
- Công ty Anmady Group	374.588.220	-
- Hải quan Campuchia	1.377.961.830	1.377.961.830
	<b>3.735.959.444</b>	<b>3.361.371.224</b>

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm mù cao su	481.875.663.216	550.683.988.876
Doanh thu hàng hóa mù cao su	451.776.123.343	339.338.451.007
Doanh thu khác	4.246.876.643	2.351.090.470
	<b>937.898.663.202</b>	<b>892.373.530.353</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<b>3.407.281.920</b>	<b>24.823.396.231</b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.164.914.231	1.513.982.600
	<b>1.164.914.231</b>	<b>1.513.982.600</b>



**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm mù cao su	179.912.844.210	222.673.959.688
Giá vốn hàng hóa mù cao su	419.303.948.376	328.420.092.542
Giá vốn khác	1.520.173.470	1.474.902.735
Chi phí vượt dự toán của vườn cây đưa vào khai thác	-	1.592.888.039
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.370.178.621	(176.256.452)
	<b>622.107.144.677</b>	<b>553.985.586.552</b>
	<b>722.592.400</b>	<b>998.131.728</b>
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)		

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	11.777.339.667	12.317.647.477
Lãi bán các khoản đầu tư	-	280.057.131
Cổ tức, lợi nhuận được chia	948.000.000	2.151.013.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.347.476.336	6.865.051.999
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	6.459.586.779	145.245.350
	<b>28.532.402.782</b>	<b>21.759.014.973</b>
	<b>948.000.000</b>	<b>2.151.013.016</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)		

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.298.697.574	38.524.028.608
Chi phí bán các khoản đầu tư	-	313.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.067.618.618	4.846.717.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.787.036.809	1.448.731.482
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(636.109.018)	(19.165)
Chi phí tài chính khác	17.476.899	18.845.842
	<b>41.534.720.882</b>	<b>44.838.618.120</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.226.825.239	3.425.550.625
Chi phí nhân công	480.485.967	521.828.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.990.302.155	20.012.207.109
Chi phí khác bằng tiền	8.889.503.673	14.477.425.014
	<b>37.587.117.034</b>	<b>38.437.011.666</b>

## 29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.212.765.382	2.750.154.975
Chi phí nhân công	35.691.557.687	39.549.583.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.329.803.725	3.285.710.426
Thuế, phí, lệ phí	1.946.432.337	847.247.517
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	73.589.064	(66.994.998)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.103.630.335	6.569.494.266
Chi phí khác bằng tiền	10.832.055.415	8.581.639.392
	<b>62.189.833.945</b>	<b>61.516.835.060</b>
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp của bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<b>263.878.000</b>	<b>356.680.000</b>

## 30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.308.466.973
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su <sup>(1)</sup>	116.393.054.124	140.401.473.044
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	371.454.700	5.309.772.475
Thu nhập từ thanh lý phế liệu, mù kiểm phẩm, mù tận thu	-	42.270.909
Tiền thuê nhà của cán bộ công nhân viên	71.504.629	89.590.909
Thu nhập từ khám chữa bệnh	218.991.586	-
Thu nhập từ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng	1.030.462.140	1.124.975.171
Thu nhập nhượng quyền khai thác mù cao su <sup>(2)</sup>	17.288.369.680	10.796.011.989
Thu nhập từ quỹ bảo hiểm xuất khẩu hỗ trợ khắc phục thiệt hại vườn cây cao su và xúc tiến thương mại	164.168.090	804.133.066
Phí quản lý thu các hộ nhận giao khoán	245.331.720	340.414.404
Thu nhập từ bán cây xà cừ và cây dầu	-	85.700.000
Thu nhập từ bán gỗ đóng pallet, củi bao bì	-	23.769.100
Thu nhập từ hợp tác trồng mía	1.963.590.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ tồn đọng	-	417.484.096
Thu nhập khác	302.597.605	142.718.656
	<b>138.049.524.274</b>	<b>160.886.780.792</b>
Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<b>86.643.727.685</b>	<b>93.916.672.654</b>

(1) Trong kỳ, Công ty đã thanh lý 358,76 ha cao su với tổng giá trị là 120.028.655.427 VND. Vườn cây cao su thanh lý có nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 12.429.026.836 VND và 11.847.933.485 VND, chi phí thanh lý là 3.054.507.952 VND, lãi từ hoạt động thanh lý vườn cây cao su là 116.393.054.124 VND.



- (2) Nhượng quyền khai thác mù cao su theo Công văn số 147/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 22/04/2022, với các nội dung chi tiết sau:
- Tên phương án: Phương án nhượng bán quyền khai thác mù cao su năm 2022 và năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
  - Mục tiêu phương án: Khai thác tối đa tài nguyên mù cao su của vườn cây trước khi thực hiện thanh lý cây cao su trên vườn cây thanh lý để chuẩn bị thanh lý tái canh năm 2023 và thanh lý tái canh năm 2024 tại
  - Tổng diện tích: 137,25 ha; Tổng sản lượng ước tính: 281,07 tấn;
  - Thời gian thực hiện bán nhượng quyền khai thác: Năm 2022 và năm 2023;
  - Hình thức thực hiện: Tổ chức bán đấu giá công khai, rộng rãi và tháng 03 và tháng 04 năm 2022;
  - Tổng giá trị khởi điểm: 3.878.000.000 VND;

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	4.130.839.022	3.914.002.932
Các khoản bị phạt	5.332.531.698	50.797
Các khoản thuế nộp bổ sung	860.478.132	-
Chi phí hợp tác trồng mía	500.414.497	-
Chi phí khác	725.758.594	888.981.963
	<b>11.550.021.943</b>	<b>4.803.035.692</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	30.476.331.334	33.540.167.027
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	31.356.274.824	167.489.560
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>61.832.606.158</b>	<b>33.707.656.587</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	40.890.047.551	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.224.758.634)	9.355.403.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(68.675.766.844)	(44.287.324.906)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	233.623.799	(494.280)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>33.055.752.030</b>	<b>(1.224.758.634)</b>

**33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.051.821.860	9.003.425.711
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>8.051.821.860</b>	<b>9.003.425.711</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.655.583.578	5.492.084.971
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(7.703.979.727)	(8.740.937.496)
	<b>951.603.851</b>	<b>(3.248.852.525)</b>

**34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	201.515.261.636	252.456.503.202
Các khoản điều chỉnh	(6.000.000.000)	(27.246.854.000)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(6.000.000.000)	(27.246.854.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	195.515.261.636	225.209.649.202
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	87.945.000	87.945.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.223</b>	<b>2.561</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.190.012.454	15.303.826.128
Chi phí nhân công	132.175.398.007	171.295.641.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.029.195.409	106.787.299.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.195.068.492	40.589.520.194
Chi phí khác bằng tiền	7.054.083.202	1.834.773.201
	<b>295.643.757.564</b>	<b>335.811.060.333</b>

**36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái và lãi suất.



## Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	27.663.009.000	27.663.009.000
	-	-	<b>27.663.009.000</b>	<b>27.663.009.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	27.663.009.000	27.663.009.000
	-	-	<b>27.663.009.000</b>	<b>27.663.009.000</b>

## Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

## Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.370.055.465	-	-	190.370.055.465
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.724.684.808	-	-	19.724.684.808
Các khoản cho vay	103.261.328.987	3.508.795.590	-	106.770.124.577
	<b>313.356.069.260</b>	<b>3.508.795.590</b>	-	<b>316.864.864.850</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.828.817.260	-	-	265.828.817.260
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.530.392.233	-	-	13.530.392.233
Các khoản cho vay	117.683.093.025	3.376.266.390	-	121.059.359.415
	<b>397.042.302.518</b>	<b>3.376.266.390</b>	-	<b>400.418.568.908</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	51.029.341.724	250.019.424.576	-	301.048.766.300
Phải trả người bán, phải trả khác	66.409.992.420	-	-	66.409.992.420
Chi phí phải trả	10.094.480.428	-	-	10.094.480.428
	<u>127.533.814.572</u>	<u>250.019.424.576</u>	<u>-</u>	<u>377.553.239.148</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	59.062.592.892	332.846.436.312	-	391.909.029.204
Phải trả người bán, phải trả khác	178.953.847.744	-	-	178.953.847.744
Chi phí phải trả	4.727.690.513	-	-	4.727.690.513
	<u>242.744.131.149</u>	<u>332.846.436.312</u>	<u>-</u>	<u>575.590.567.461</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	14.271.010.308	2.885.725.314
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính:	10.174.953.838	1.901.344.938
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	115.306.227.050	262.622.262.959

**38 THÔNG TIN KHÁC**

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước về Cục thuế tỉnh Tây Ninh vào ngày 02/02/2023. Hiện tại, hồ sơ của Công ty đang trong giai đoạn chờ đợi các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

**39 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.482.221.795	1.052.586.671.406	(488.335.144.230)	936.733.748.971
Tổng chi phí mua TSCĐ	29.659.022.663	22.924.684.679	-	52.583.707.342
Tài sản bộ phận	2.923.037.372.178	2.591.491.046.105	(2.745.106.285.976)	2.769.422.132.307

**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3.407.281.920</b>	<b>24.823.396.231</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	-	19.959.594.631
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	Cùng Công ty mẹ	3.407.281.920	4.863.801.600
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>722.592.400</b>	<b>998.131.728</b>
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	212.446.400	247.357.728
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Cùng Công ty mẹ	43.230.000	73.350.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Cùng Công ty mẹ	222.476.000	499.690.000
- Tạp chí Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	244.440.000	177.734.000
<b>Thu nhập từ thanh lý cao su</b>		<b>86.643.727.685</b>	<b>93.281.563.473</b>
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha	Cùng Công ty mẹ	19.639.828.692	-
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Cùng Công ty mẹ	20.988.352.211	22.815.600.587
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Cùng Công ty mẹ	16.276.105.051	26.865.415.014
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	29.739.441.731	21.193.823.821
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ	-	22.406.724.051

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng</b>		-	<b>635.109.181</b>
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Cùng Công ty mẹ	-	179.899.348
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	155.826.076
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Cùng Công ty mẹ	-	93.488.340
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ	-	205.895.417
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>948.000.000</b>	<b>2.151.013.016</b>
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	648.000.000	864.000.000
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Công ty mẹ	-	1.101.059.685
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco	Cùng Công ty mẹ	300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	185.953.331
<b>Chia cổ tức</b>		<b>77.931.497.700</b>	<b>173.181.106.000</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	77.931.497.700	173.181.106.000
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<b>263.878.000</b>	<b>356.680.000</b>
- Tạp chí Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	216.300.000	338.000.000
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	11.578.000	18.680.000
- Trường cao đẳng Công nghiệp Cao su	Cùng Công ty mẹ	36.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		<b>2.030.578.144</b>	<b>2.219.182.205</b>
- Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	530.180.581	508.612.591
- Ông Trương Văn Cư	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	495.574.926	492.247.946
- Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên HĐQT	43.960.000	26.670.000
- Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	33.560.000	9.950.000
- Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong kỳ trước	52.192.200	327.727.505
- Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	430.477.032	408.400.455
- Ông Dương Tấn Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	444.633.405	445.573.708
<b>Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát</b>		<b>477.313.099</b>	<b>433.195.910</b>
- Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban kiểm soát	398.293.099	379.245.910
- Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	39.760.000	29.120.000
- Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	39.260.000	24.830.000



**42 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Trần Nguyễn Duy Sinh**  
Người lập



**Lâm Quang Phúc**  
Kế toán trưởng



**Trương Văn Cư**  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

C.P. ★ HN

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05-39
Bảng cân đối kế toán riêng	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-39



**Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch
Ông Trương Văn Cư	Thành viên
Ông Dương Tấn Phong	Thành viên
Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Cư	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban
Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trương Văn Cư

Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Trung Hiếu  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Phạm Văn Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3864-2020-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>353.600.122.544</b>	<b>503.972.679.697</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>35.424.279.867</b>	<b>195.237.841.660</b>
111	1. Tiền		16.125.491.486	36.108.055.812
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.298.788.381	159.129.785.848
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>102.721.328.987</b>	<b>116.943.736.025</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		102.721.328.987	116.943.736.025
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.740.484.133</b>	<b>15.041.100.101</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	5.333.721.889	9.272.711.973
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.141.991.069	1.722.602.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	6.264.771.175	4.045.786.028
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>08</b>	<b>189.223.377.234</b>	<b>168.499.386.395</b>
141	1. Hàng tồn kho		210.593.555.855	168.499.386.395
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.370.178.621)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.490.652.323</b>	<b>8.250.615.516</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	926.576.551	952.606.984
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.845.170.993	4.593.443.103
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.718.904.779	2.704.565.429
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.070.368.544.722</b>	<b>1.048.332.647.362</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>59.364.536.814</b>	<b>42.507.704.981</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	59.364.536.814	42.507.704.981
222	- Nguyên giá		317.191.825.602	304.162.323.629
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(257.827.288.788)	(261.654.618.648)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>09</b>	<b>154.721.719.619</b>	<b>152.983.848.616</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		154.721.719.619	152.983.848.616
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>851.024.799.274</b>	<b>850.388.690.256</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		795.041.141.348	795.041.141.348
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		41.306.446.741	41.306.446.741
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.414.158.446)	(2.050.267.464)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.257.489.015</b>	<b>2.452.403.509</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.257.489.015	2.452.403.509
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.423.968.667.266</b>	<b>1.552.305.327.059</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>191.173.147.436</b>	<b>314.482.469.947</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>161.665.275.105</b>	<b>294.789.701.616</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	37.425.352.922	71.817.127.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	11.538.821.162	19.257.797.580
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.786.524.108	9.011.379
314	4. Phải trả người lao động		22.455.378.958	45.888.357.345
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.202.138.873	722.116.685
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	50.042.157.098	133.191.718.310
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	184.896.000	184.896.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		37.030.005.984	23.718.676.851
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>29.507.872.331</b>	<b>19.692.768.331</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	18.560.904.768	8.745.800.768
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	10.946.967.563
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.232.795.519.830</b>	<b>1.237.822.857.112</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>1.232.795.519.830</b>	<b>1.237.822.857.112</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		246.114.300.130	246.114.300.130
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		107.231.219.700	112.258.556.982
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		49.833.702.982	57.331.050.037
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		57.397.516.718	54.927.506.945
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.423.968.667.266</b>	<b>1.552.305.327.059</b>

Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng





Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023


## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	626.857.959.480	549.488.367.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	22	218.211.840	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		626.639.747.640	549.488.367.889
11	4. Giá vốn hàng bán	23	604.274.817.858	510.375.548.808
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.364.929.782	39.112.819.081
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.878.597.866	14.157.007.882
22	7. Chi phí tài chính	25	1.583.731.486	2.894.066.143
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		150.098.474	63.870.853
25	8. Chi phí bán hàng	26	7.916.138.838	8.268.353.531
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	20.390.808.404	21.513.562.482
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.352.848.920	20.593.844.807
31	11. Thu nhập khác	28	139.341.165.604	160.310.733.370
32	12. Chi phí khác	29	6.847.666.472	4.491.904.205
40	13. Lợi nhuận khác		132.493.499.132	155.818.829.165
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		137.846.348.052	176.412.673.972
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	30.476.331.334	33.540.167.027
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>107.370.016.718</u>	<u>142.872.506.945</u>

  
Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

  
Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng

  
Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		649.057.535.721	598.949.442.796
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(586.679.042.529)	(458.764.670.174)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(74.679.324.070)	(64.297.688.735)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(123.528.726)	(76.301.804)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.610.013.967)	(44.129.533.904)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.632.591.127	6.824.324.012
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(100.265.247.379)	(87.368.559.487)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(124.667.029.823)</i>	<i>(48.862.987.296)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.160.043.350)	(28.157.099.535)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		131.772.702.974	119.697.303.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.000.000.000)	(71.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		36.222.407.038	67.534.571.188
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.470.157.280
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.387.551.391	13.926.655.400
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>120.222.618.053</i>	<i>109.471.587.878</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(184.896.000)	(220.406.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(165.243.466.300)	(89.134.607.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(155.428.362.300)</i>	<i>(89.355.013.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(159.872.774.070)</i>	<i>(28.746.412.418)</i>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		195.237.841.660	223.694.909.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		59.212.277	289.344.252
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>35.424.279.867</u>	<u>195.237.841.660</u>

Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập

Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Năm 2022

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 879.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 879.450.000.000 đồng; tương đương 87.945.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 866 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.051 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Trồng cây cao su, khai thác và chế biến mủ cao su.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn cây cao su giống;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất chai nhựa PET;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và sản phẩm khác từ plastic;
- Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm. Chi tiết: Cây cao su giống;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Trồng cây hàng năm khác.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm nay, nhu cầu cao su trên thị trường thế giới đang trên đà hồi phục mạnh mẽ, do đó, sản lượng tiêu thụ của các sản phẩm cao su tăng cao làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty tăng 77,37 tỷ VND tương ứng tỷ lệ 14,08% so với năm trước. Tuy nhiên, vườn cây cao su kinh doanh của Công ty đã già cỗi cho sản lượng thấp dẫn đến giá vốn của hoạt động khai thác mủ cao su tăng cao, từ đó khiến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 16,75 tỷ VND tương ứng tỷ lệ 42,82% so với năm trước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Văn phòng Công ty	Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh mủ cao su
- Nông trường cao su Xa Mát	Tỉnh Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Tân Hiệp	Tỉnh Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Bồ Túc	Tỉnh Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Suối Ngô	Tỉnh Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Xí nghiệp cơ khí chế biến	Tỉnh Tây Ninh	Cơ khí vận tải, chế biến mủ cao su
- Trung tâm y tế Công ty	Tỉnh Tây Ninh	Khám chữa bệnh



Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.



Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần) về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01/01/2010 như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ trích khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ trích khấu hao (%)</u>
- Năm thứ 1	2,50	- Năm thứ 11	7,00
- Năm thứ 2	2,80	- Năm thứ 12	6,60
- Năm thứ 3	3,50	- Năm thứ 13	6,20
- Năm thứ 4	4,40	- Năm thứ 14	5,90
- Năm thứ 5	4,80	- Năm thứ 15	5,50
- Năm thứ 6	5,40	- Năm thứ 16	5,40
- Năm thứ 7	5,40	- Năm thứ 17	5,00
- Năm thứ 8	5,10	- Năm thứ 18	5,00
- Năm thứ 9	5,10	- Năm thứ 19	5,20
- Năm thứ 10	5,00	- Năm thứ 20	còn lại

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản và chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc.



Chi phí vườn cây kiến thiết cơ bản bao gồm các chi phí nguyên vật liệu phục vụ công tác trồng và chăm sóc, chi phí nhân công và các khoản chi phí chung khác có liên quan. Các vườn cây kiến thiết cơ bản được ghi nhận tăng tài sản cố định khi đảm bảo các điều kiện kỹ thuật theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần, thông thường chu kỳ đầu tư khoảng 7-8 năm tùy vào tiêu chuẩn kỹ thuật của từng năm trồng. Và chi phí xây dựng cơ bản chưa hoàn thành bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 24 tháng.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thu mua mủ nguyên liệu... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.



Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



### 2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Chính sách ưu đãi thuế  
Theo khoản 1, điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chế biến, thanh lý mù cao su ở địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Đối với thu nhập ngoài phạm vi được miễn thuế như: hoạt động tài chính, thu nhập khác, thanh lý vườn cây cao su..., Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 20% trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	4.166.130.216	3.481.402.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.959.361.270	32.626.653.424
Các khoản tương đương tiền <sup>(a)</sup>	19.298.788.381	159.129.785.848
	<b>35.424.279.867</b>	<b>195.237.841.660</b>

(a) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 19.298.788.381 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 5,4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	102.721.328.987	-	116.943.736.025	-
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(b)</sup>	102.721.328.987	-	116.943.736.025	-
	<b>102.721.328.987</b>	<b>-</b>	<b>116.943.736.025</b>	<b>-</b>

(b) Tại ngày 31/12/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 102.721.328.987 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 10%/năm.



**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		VND	VND	(%)	VND	VND	(%)
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>795.041.141.348</b>	-		<b>795.041.141.348</b>	-	
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom		795.041.141.348	-	58,97	795.041.141.348	-	58,97
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>		<b>16.091.369.631</b>	-		<b>16.091.369.631</b>	-	
- Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	-	21,60	16.091.369.631	-	21,60
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>41.306.446.741</b>	<b>(1.414.158.446)</b>		<b>41.306.446.741</b>	<b>(2.050.267.464)</b>	
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	MDF	26.263.809.000	-	6,11	26.263.809.000	-	6,11
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su		2.050.267.464	(1.414.158.446)	3,05	2.050.267.464	(2.050.267.464)	3,05
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco		11.593.170.277	-	1,20	11.593.170.277	-	1,20
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	VRG	1.399.200.000	-	1,80	1.399.200.000	-	1,80
		<b>852.438.957.720</b>	<b>(1.414.158.446)</b>		<b>852.438.957.720</b>	<b>(2.050.267.464)</b>	

**Đầu tư vào đơn vị khác:** Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,11%	6,11%	Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	3,05%	3,05%	Thương mại, dịch vụ
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco	Tỉnh Quảng Trị	1,20%	1,20%	Trồng cây cao su
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	1,80%	1,80%	Đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- OPC - FAO International Limited	1.248.488.818	-	9.259.850.543	-
- Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi	4.076.362.785	-	-	-
- Các khách hàng khác	8.870.286	-	12.861.430	-
	<b>5.333.721.889</b>	<b>-</b>	<b>9.272.711.973</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH Xây dựng - Cầu đường Nam Phát	1.747.983.074	-	798.041.400	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến	411.055.600	-	246.186.200	-
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp Nhiệt đới	-	-	178.062.500	-
- Công ty TNHH Thiết bị và Hóa chất Nhật Minh	480.362.400	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	502.589.995	-	500.312.000	-
	<b>3.141.991.069</b>	<b>-</b>	<b>1.722.602.100</b>	<b>-</b>



7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.989.332.931	-	1.522.839.013	-
Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	-	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	346.673.243	-	434.534.321	-
Phải thu tiền bảo hiểm nhân thọ	-	-	2.500.000	-
Phải thu tiền thuê đất, phí quản lý các hộ giao khoán	398.864.031	-	341.840.447	-
Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	-	-	233.766.940	-
Phải thu về vật tư giao khoán, tiền ăn giữa ca của các nông trường	3.089.283.376	-	1.417.250.341	-
Phải thu khác	90.617.594	-	93.054.966	-
	<b>6.264.771.175</b>	<b>-</b>	<b>4.045.786.028</b>	<b>-</b>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.623.014.104	-	4.108.493.674	-
Công cụ, dụng cụ	499.072.405	-	432.443.381	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.381.356.725	-	4.015.075.110	-
Thành phẩm	38.834.794.833	(5.170.534.491)	38.176.573.084	-
Hàng hoá	167.255.317.788	(16.199.644.130)	121.766.801.146	-
	<b>210.593.555.855</b>	<b>(21.370.178.621)</b>	<b>168.499.386.395</b>	<b>-</b>



9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	-	16.638.329.554
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	19.981.476.290	19.912.577.435
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2016	22.911.009.466	20.503.205.206
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2017	29.244.208.176	26.352.924.835
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2018	17.249.498.743	14.980.498.224
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2019	22.316.259.775	19.131.079.047
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2020	17.270.084.125	14.260.629.400
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2021	11.545.808.939	7.637.381.658
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2022	5.140.368.228	-
- Công trình cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp cơ khí chế biến (*)	6.800.300.772	6.800.300.772
- Công trình cải tạo, nâng cấp và sửa chữa đường lô Nông trường cao su Bồ Túc	-	1.073.131.523
- Hệ thống quan trắc tự động nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp cơ khí chế biến	-	1.267.790.910
- Các công trình khác	2.262.705.105	4.426.000.052
	<b><u>154.721.719.619</u></b>	<b><u>152.983.848.616</u></b>

(\*) Quyết định số 132/QĐ-HĐQTCSTB ngày 26/08/2020 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng với các nội dung cụ thể sau:

- Tên Dự án: Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (công suất 950 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) tại Xí nghiệp Cơ khí chế biến - Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
- Mục tiêu đầu tư xây dựng:
  - + Đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải cột A, QCVN01-MT:2015/BTNMT với hệ số kq = 0,9; kf=1;
  - + Độ ổn định chất lượng nước thải sau xử lý là tuyệt đối;
  - + Tạo ra một quy trình vận hành, xử lý tiên tiến có chi phí vận hành thấp, hệ số an toàn cao, dễ điều hành và kiểm soát;
  - + Xin cấp phép xả thải và xử lý bùn thải sau khi ép khô làm chất cải tạo đất;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
- Nguồn vốn đầu tư: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ;
- Quy mô của dự án:
  - + Công suất xả thải: 950 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
  - + Tiêu chuẩn: Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải cột A, QCVN01-MT:2015/BTNMT với hệ số kq=0,9; kf=1;
- Tổng mức đầu tư: 11.528.260.000 VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: 300 ngày;
- Tại thời điểm 31/12/2022, dự án đang trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và chuẩn bị chạy thử.

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	101.658.563.619	63.546.586.331	21.722.782.533	2.471.785.998	114.762.605.148	304.162.323.629
- Mua trong kỳ	-	3.204.841.092	1.068.655.774	-	-	4.273.496.866
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.167.785.218	-	-	-	18.479.869.576	23.647.654.794
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.462.622.851)	-	(12.429.026.836)	(14.891.649.687)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>106.826.348.837</b>	<b>66.751.427.423</b>	<b>20.328.815.456</b>	<b>2.471.785.998</b>	<b>120.813.447.888</b>	<b>317.191.825.602</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	90.780.806.736	58.346.651.711	19.077.695.838	2.471.785.998	90.977.678.365	261.654.618.648
- Khấu hao trong kỳ	3.269.148.281	1.490.687.467	655.278.744	-	5.068.111.984	10.483.226.476
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.462.622.851)	-	(11.847.933.485)	(14.310.556.336)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>94.049.955.017</b>	<b>59.837.339.178</b>	<b>17.270.351.731</b>	<b>2.471.785.998</b>	<b>84.197.856.864</b>	<b>257.827.288.788</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	10.877.756.883	5.199.934.620	2.645.086.695	-	23.784.926.783	42.507.704.981
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>12.776.393.820</b>	<b>6.914.088.245</b>	<b>3.058.463.725</b>	<b>-</b>	<b>36.615.591.024</b>	<b>59.364.536.814</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 36.615.591.024 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 172.322.909.399 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tại ngày 31/12/2022, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết từ năm 2014, với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 345.068.540 VND.





12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	41.320.833
Chi phí mua bảo hiểm	87.694.311	87.798.922
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	131.475.750	238.191.667
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	707.406.490	585.295.562
	<u>926.576.551</u>	<u>952.606.984</u>
b) <b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.343.220.596	2.158.582.145
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.893.904.241	267.156.591
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.364.178	26.664.773
	<u>5.257.489.015</u>	<u>2.452.403.509</u>

11 NH  
ÔNG TY  
NG KIẾ  
AA  
V4-TP



**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>36.434.611.654</b>	<b>36.434.611.654</b>	<b>63.366.232.241</b>	<b>63.366.232.241</b>
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampongthom	22.254.884.796	22.254.884.796	55.045.332.941	55.045.332.941
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	-	-	204.598.800	204.598.800
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	-	-	24.832.500	24.832.500
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	-	-	8.091.468.000	8.091.468.000
- Caoutchouc Mekong Co., Ltd	14.179.726.858	14.179.726.858	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>990.741.268</b>	<b>990.741.268</b>	<b>8.450.895.225</b>	<b>8.450.895.225</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Rừng	-	-	3.179.584.650	3.179.584.650
- Phải trả người bán khác	990.741.268	990.741.268	5.271.310.575	5.271.310.575
	<b>37.425.352.922</b>	<b>37.425.352.922</b>	<b>71.817.127.466</b>	<b>71.817.127.466</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>76.210.189</b>	<b>261.403.632</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	64.562.400	261.403.632
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	11.647.789	-
<b>Bên khác</b>	<b>11.462.610.973</b>	<b>18.996.393.948</b>
- Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	4.249.086.008	1.365.461.295
- Công ty TNHH Đăng Quang	-	6.620.572.812
- Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi	-	5.444.175.964
- Công ty TNHH Thương mại Song Hà Trading	-	652.313.200
- Công ty TNHH Gia Phú Anh	3.672.648.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	3.540.876.965	4.913.870.677
	<b>11.538.821.162</b>	<b>19.257.797.580</b>



**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	24.198.315.552	24.198.315.552	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.233.721	-	30.476.331.334	27.610.013.967	-	1.615.083.646
Thuế Thu nhập cá nhân	1.435.324.916	-	(165.512.210)	26.154.780	1.626.991.906	-
Thuế Tài nguyên	-	9.011.379	87.368.200	87.915.600	6.557.781	15.021.760
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	19.517.266.243	19.517.266.243	-	-
Các loại thuế khác	18.006.792	-	58.673.000	126.021.300	85.355.092	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	156.418.702	-	-	156.418.702
	<b>2.704.565.429</b>	<b>9.011.379</b>	<b>74.328.860.821</b>	<b>71.565.687.442</b>	<b>1.718.904.779</b>	<b>1.786.524.108</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí thu mua mủ nguyên liệu	1.006.073.527	104.318.876
- Chi phí vận chuyển, xuất khẩu	142.340.000	179.372.159
- Chi phí phải trả khác	53.725.346	438.425.650
	<b>1.202.138.873</b>	<b>722.116.685</b>



17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a) Chi tiết</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.526.574.600	1.715.382.640
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	44.098.355.200	130.191.321.500
- Phải trả lãi vay	26.569.748	-
- Phải trả BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	262.618.204	27.581.947
- Phải trả tiền vật tư giao khoán cho công nhân nông trường	190.423.789	373.464.122
- Quỹ ủng hộ, từ thiện, quỹ tình thương nhân viên đóng góp	230.820.444	381.224.444
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	114.016.579	-
- Phải trả tiền bảo hành công trình	94.848.100	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	497.930.434	502.743.657
	<u><b>50.042.157.098</b></u>	<u><b>133.191.718.310</b></u>
<b>b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	43.295.276.500	129.885.829.500
	<u><b>43.295.276.500</b></u>	<u><b>129.885.829.500</b></u>



18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	184.896.000	184.896.000	184.896.000	184.896.000	184.896.000	184.896.000
	<b>184.896.000</b>	<b>184.896.000</b>	<b>184.896.000</b>	<b>184.896.000</b>	<b>184.896.000</b>	<b>184.896.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	4.171.696.768	4.171.696.768	-	184.896.000	3.986.800.768	3.986.800.768
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh <sup>(2)</sup>	4.759.000.000	4.759.000.000	10.000.000.000	-	14.759.000.000	14.759.000.000
	<b>8.930.696.768</b>	<b>8.930.696.768</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>184.896.000</b>	<b>18.745.800.768</b>	<b>18.745.800.768</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(184.896.000)	(184.896.000)	(184.896.000)	(184.896.000)	(184.896.000)	(184.896.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>8.745.800.768</b>	<b>8.745.800.768</b>			<b>18.560.904.768</b>	<b>18.560.904.768</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0200046457/15/2014/HĐTĐH-PN/SHB.130100 ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 38.150.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ đắp chi phí tái canh vườn cây cao su trong năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên);
  - + Thời hạn cho vay: 228 tháng (19 năm);
  - + Lãi suất cho vay: 10,3%/năm;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m<sup>2</sup> tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.986.800.768 VND. Trong đó, số nợ gốc phải trả trong kỳ tới: 184.896.000 VND.
- (2) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 019/TNBB/19DH ngày 19/08/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 89.374.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư thực hiện Dự án tái canh vườn cây cao su (giai đoạn 2016 - 2020);
  - + Thời hạn cho vay: 10 năm;
  - + Lãi suất cho vay: 9,7%/năm;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 1.191,75 ha tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BM 189986 và BM 189987, số vào sổ cấp GCN CS01408 và CS01409 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20/01/2016; toàn bộ quyền tài sản liên quan đến vườn cây cao su trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 189986, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 189987;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 14.759.000.000 VND.





19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>200.906.887.455</b>	<b>202.562.810.712</b>	<b>1.282.919.698.167</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	142.872.506.945	142.872.506.945
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	45.207.412.675	(45.207.412.675)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(12.079.348.000)	(12.079.348.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ trước	-	-	(43.972.500.000)	(43.972.500.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ này	-	-	(131.917.500.000)	(131.917.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>112.258.556.982</b>	<b>1.237.822.857.112</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>112.258.556.982</b>	<b>1.237.822.857.112</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	107.370.016.718	107.370.016.718
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(26.919.479.000)	(26.919.479.000)
Trích Quỹ khen thưởng viên chức quản lý (*)	-	-	(327.375.000)	(327.375.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ trước (*)	-	-	(35.178.000.000)	(35.178.000.000)
Chia cổ tức trên lợi nhuận kỳ này (1)	-	-	(43.972.500.000)	(43.972.500.000)
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận kỳ này (2)	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>246.114.300.130</b>	<b>107.231.219.700</b>	<b>1.232.795.519.830</b>

(1) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 279/NQ-HĐQTCSTB ngày 25/11/2022 (5% vốn điều lệ) của Hội đồng quản trị.

(2) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp từ lợi nhuận năm 2022 theo Công văn số 796/HĐQTCsvn-LĐTL ngày 29/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần với mức trích lập tối đa bằng 70% của 02 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người lao động Công ty.

(\*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐCSTB ngày 15/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
<i>Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021</i>		142.872.506.945
<i>Lợi nhuận chưa phân phối của các kỳ trước để lại</i>		101.303.550.037
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100,00	244.176.056.982
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,02	26.919.479.000
Trích Quỹ khen thưởng viên chức quản lý	0,14	327.375.000
Chi trả cổ tức (19% Vốn điều lệ)	68,43	167.095.500.000
Trong đó:		
- Cổ tức đã tạm chia trong kỳ trước (15% vốn điều lệ)		131.917.500.000
- Cổ tức còn lại chia trong kỳ này (4% vốn điều lệ)		35.178.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,41	49.833.702.982



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	98,46	865.905.530.000	98,46	865.905.530.000
- Các cổ đông khác	1,54	13.544.470.000	1,54	13.544.470.000
	<b>100</b>	<b>879.450.000.000</b>	<b>100</b>	<b>879.450.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	879.450.000.000	879.450.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	<b>879.450.000.000</b>	<b>879.450.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	130.191.321.500	43.435.928.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	79.150.500.000	175.890.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	35.178.000.000	43.972.500.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	43.972.500.000	131.917.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(165.243.466.300)	(89.134.607.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(165.243.466.300)	(87.306.483.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	(1.828.123.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>44.098.355.200</b>	<b>130.191.321.500</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	246.114.300.130	246.114.300.130
	<b>246.114.300.130</b>	<b>246.114.300.130</b>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Suối Dây, xã Suối Ngô, xã Thạnh Đông, xã Tân Hiệp, xã Tân Hòa thuộc huyện Tân Châu và xã Tân Lập, xã Thạnh Bình thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để sử dụng với mục đích trồng, khai thác, chế biến cao su, xây dựng nhà làm việc và các công trình sản xuất kinh doanh dịch vụ khác. Thời hạn thuê từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054. Diện tích khu đất thuê là 67.777.844,8 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích đất phải nộp tiền thuê đất là 66.135.820 m<sup>2</sup>, diện tích đất không phải nộp tiền thuê đất là 1.642.024,8 m<sup>2</sup>). Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	239.335,41	523.692,41
c) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Eksambath Company	461.871.194	461.871.194
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	455.793.000	455.793.000
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Thương mại Tân Phước Tài	1.065.745.200	1.065.745.200
	<b>1.983.409.394</b>	<b>1.983.409.394</b>
<b>21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm mủ cao su	174.300.708.372	207.834.826.415
Doanh thu hàng hóa mủ cao su	451.776.123.343	339.338.451.007
Doanh thu khác	781.127.765	2.315.090.467
	<b>626.857.959.480</b>	<b>549.488.367.889</b>
	<b>3.407.281.920</b>	<b>24.823.396.231</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)		
<b>22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	218.211.840	-
	<b>218.211.840</b>	<b>-</b>
<b>23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	163.009.846.191	179.096.446.496
Giá vốn hàng hóa mủ cao su	419.303.948.376	328.420.092.542
Giá vốn khác	590.844.670	1.442.378.183
Chi phí vượt dự toán của vườn cây kiến thiết cơ bản	-	1.592.888.039
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	21.370.178.621	(176.256.452)
	<b>604.274.817.858</b>	<b>510.375.548.808</b>
	<b>460.544.896.957</b>	<b>426.898.547.678</b>
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)		



24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.906.045.309	11.408.951.634
Lãi bán các khoản đầu tư	-	280.057.131
Cổ tức, lợi nhuận được chia	948.000.000	2.151.013.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.024.552.557	316.986.101
	<b>12.878.597.866</b>	<b>14.157.007.882</b>
	<b>948.000.000</b>	<b>2.151.013.016</b>

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	150.098.474	63.870.853
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	313.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	305.221.320	1.381.169.513
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.764.520.710	1.448.731.482
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(636.109.018)	(19.165)
	<b>1.583.731.486</b>	<b>2.894.066.143</b>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.226.825.239	3.425.550.625
Chi phí nhân công	480.485.967	521.828.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.884.636.352	2.289.623.072
Chi phí khác bằng tiền	324.191.280	2.031.350.916
	<b>7.916.138.838</b>	<b>8.268.353.531</b>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	516.033.777	385.114.619
Chi phí nhân công	9.991.599.631	12.538.727.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.564.645	580.812.964
Thuế, phí, và lệ phí	425.696.595	338.991.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.162.674.406	2.608.802.857
Chi phí khác bằng tiền	5.640.239.350	5.061.112.997
	<b>20.390.808.404</b>	<b>21.513.562.482</b>
	<b>263.878.000</b>	<b>356.680.000</b>

Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.379.013.466	777.136.362
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su <sup>(1)</sup>	116.393.054.124	140.401.473.044
Thu nhập từ nhượng quyền khai thác mù cao su <sup>(2)</sup>	17.288.369.680	10.796.011.989
Thu nhập từ hợp tác trồng mía	1.963.590.000	-
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	371.454.700	5.309.772.475
Thu nhập từ thanh lý phế liệu, mù kiểm phẩm, mù tận thu	-	42.270.909
Tiền thuê nhà của cán bộ công nhân viên	71.504.629	89.590.909
Thu nhập từ khám chữa bệnh	218.991.586	-
Phí quản lý thu các hộ nhận giao khoán	245.331.720	340.414.404
Thu nhập từ bán cây xà cừ và cây dầu	-	85.700.000
Thu nhập từ xử lý công nợ tồn đọng	-	417.484.096
Thu nhập từ tiền bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng	1.030.462.140	1.124.975.171
Thu nhập từ bán gỗ đóng pallet, củi bao bì	-	23.769.100
Thu nhập từ quỹ bảo hiểm xuất khẩu hỗ trợ khắc phục thiệt hại vườn cây cao su và xúc tiến thương mại	164.168.090	804.133.066
Thu nhập khác	215.225.469	98.001.845
	<b>139.341.165.604</b>	<b>160.310.733.370</b>
	<b>88.022.741.151</b>	<b>94.705.172.652</b>
Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 37)		

(1) Trong năm, Công ty đã thanh lý 358,76 ha cao su với tổng giá trị là 120.028.655.427 VND. Vườn cây cao su thanh lý có nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 12.429.026.836 VND và 11.847.933.485 VND, chi phí thanh lý là 3.054.507.952 VND, lãi từ hoạt động thanh lý vườn cây cao su là 116.393.054.124 VND.

(2) Nhượng quyền khai thác mù cao su theo Công văn số 147/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 22/04/2022, với các nội dung chi tiết sau:

- Tên phương án: Phương án nhượng bán quyền khai thác mù cao su năm 2022 và năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
- Mục tiêu phương án: Khai thác tối đa tài nguyên mù cao su của vườn cây trước khi thực hiện thanh lý cây cao su trên vườn cây thanh lý để chuẩn bị thanh lý tái canh năm 2023 và thanh lý tái canh năm 2024 tại Công ty;
- Tổng diện tích: 137,25 ha; Tổng sản lượng ước tính: 281,07 tấn;
- Thời gian thực hiện bán nhượng quyền khai thác: Năm 2022 và năm 2023;
- Hình thức thực hiện: Tổ chức bán đấu giá công khai, rộng rãi và tháng 03 và tháng 04 năm 2022;
- Tổng giá trị khởi điểm: 3.878.000.000 VND;

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	4.130.839.022	3.914.002.932
Các khoản thuế nộp bổ sung	860.478.132	-
Các khoản bị phạt	630.176.227	50.797
Chi phí hợp tác trồng mía	500.414.497	-
Chi phí khác	725.758.594	577.850.476
	<b>6.847.666.472</b>	<b>4.491.904.205</b>



**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	137.846.348.052	176.412.673.972
Các khoản điều chỉnh tăng	5.080.022.396	510.198.050
- Chi phí không hợp lệ	3.324.217.286	396.023.250
- Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản phải thu cuối kỳ	1.755.805.110	114.174.800
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.970.871.127)	(2.547.199.767)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.911.590.000)	(2.151.013.016)
- Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản phải thu cuối kỳ	(59.281.127)	(396.186.751)
Thu nhập chịu thuế TNDN	139.955.499.321	174.375.672.255
- Thu nhập miễn thuế	2.569.183.568	6.674.837.122
- Thu nhập tính thuế	137.386.315.753	167.700.835.133
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>27.477.263.151</b>	<b>33.540.167.027</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	2.999.068.183	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(1.251.233.721)	9.338.133.156
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(27.610.013.967)	(44.129.533.904)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.615.083.646</b>	<b>(1.251.233.721)</b>

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.388.375.350	80.999.574.974
Chi phí nhân công	72.721.882.572	94.852.159.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.254.989.956	11.035.611.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.806.530.442	7.243.469.004
Chi phí khác bằng tiền	19.760.363.147	16.274.468.812
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>189.932.141.467</b>	<b>210.405.283.455</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	27.663.009.000	27.663.009.000
	-	-	<b>27.663.009.000</b>	<b>27.663.009.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	27.663.009.000	27.663.009.000
	-	-	<b>27.663.009.000</b>	<b>27.663.009.000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.424.279.867	-	-	35.424.279.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.598.493.064	-	-	11.598.493.064
Các khoản cho vay	102.721.328.987	-	-	102.721.328.987
	<b>149.744.101.918</b>	-	-	<b>149.744.101.918</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.237.841.660	-	-	195.237.841.660
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.318.498.001	-	-	13.318.498.001
Các khoản cho vay	116.943.736.025	-	-	116.943.736.025
	<b>325.500.075.686</b>	-	-	<b>325.500.075.686</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	184.896.000	18.560.904.768	-	18.745.800.768
Phải trả người bán, phải trả khác	87.467.510.020	-	-	87.467.510.020
Chi phí phải trả	1.202.138.873	-	-	1.202.138.873
	<b>88.854.544.893</b>	<b>18.560.904.768</b>	<b>-</b>	<b>107.415.449.661</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	184.896.000	8.745.800.768	-	8.930.696.768
Phải trả người bán, phải trả khác	205.008.845.776	-	-	205.008.845.776
Chi phí phải trả	722.116.685	-	-	722.116.685
	<b>205.915.858.461</b>	<b>8.745.800.768</b>	<b>-</b>	<b>214.661.659.229</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	10.000.000.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	184.896.000	220.406.000

### 34 . THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước về Cục thuế tỉnh Tây Ninh vào ngày 02/02/2023. Hiện tại, hồ sơ của Công ty đang trong giai đoạn chờ đợi các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



Theo khu vực địa lý	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.260.285.795	267.379.461.845	626.639.747.640
Tài sản bộ phận	1.422.718.073.168	1.250.594.098	1.423.968.667.266
Tổng chi phí mua TSCĐ	29.659.022.663	-	29.659.022.663

### 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.407.281.920</b>	<b>24.823.396.231</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	19.959.594.631
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Cao su VRG Nhật Bản	3.407.281.920	4.863.801.600
<b>Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>460.544.896.957</b>	<b>426.898.547.678</b>
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	212.446.400	247.357.728
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	43.230.000	73.350.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	11.725.056.000	47.087.308.800
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	222.476.000	499.690.000
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampongthom	283.463.949.343	250.312.846.572
- Caoutchouc Mekong Co., Ltd	164.633.299.214	128.500.260.578
- Tạp chí Cao su Việt Nam	244.440.000	177.734.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>948.000.000</b>	<b>2.151.013.016</b>
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	648.000.000	864.000.000
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	-	1.101.059.685
- Công ty Cổ phần Quasa - Geruco	300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	-	185.953.331
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>263.878.000</b>	<b>356.680.000</b>
- Tạp chí Cao su Việt Nam	216.300.000	338.000.000
- Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	11.578.000	18.680.000
- Trường cao đẳng Công nghiệp Cao su	36.000.000	-



Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập từ thanh lý cao su và tài sản cố định</b>		<b>88.022.741.151</b>	<b>94.070.063.471</b>
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha	Cùng Công ty mẹ	19.639.828.692	-
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Cùng Công ty mẹ	20.988.352.211	22.815.600.587
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Cùng Công ty mẹ	16.276.105.051	26.865.415.014
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	29.739.441.731	21.193.823.821
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ	-	22.406.724.051
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	1.379.013.466	788.499.998
<b>Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng</b>		-	<b>635.109.181</b>
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Cùng Công ty mẹ	-	179.899.348
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	-	155.826.076
- Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Cùng Công ty mẹ	-	93.488.340
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ	-	205.895.417
- Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Cùng Công ty mẹ	-	-
<b>Chia cổ tức</b>		<b>77.931.497.700</b>	<b>173.181.106.000</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	77.931.497.700	173.181.106.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		<b>2.030.578.144</b>	<b>2.219.182.205</b>
- Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	530.180.581	508.612.591
- Ông Trương Văn Cư	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	495.574.926	492.247.946
- Ông Lâm Thanh Phú	Thành viên HĐQT	43.960.000	26.670.000
- Ông Đỗ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	33.560.000	9.950.000
- Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong năm trước	52.192.200	327.727.505
- Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	430.477.032	408.400.455
- Ông Dương Tấn Phong	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	444.633.405	445.573.708
<b>Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát</b>		<b>477.313.099</b>	<b>433.195.910</b>
- Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban kiểm soát	398.293.099	379.245.910
- Ông Hoàng Quốc Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	39.760.000	29.120.000
- Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	39.260.000	24.830.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

### 38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Nguyễn Duy Sinh  
Người lập



Lâm Quang Phúc  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Số:...../TTTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**  
**của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động ( sửa đổi, bổ sung) của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ công văn số 204/HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/05/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên.*

*Căn cứ nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP cao su Tân Biên thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, với nội dung như sau:

<b>A.</b>	<b>Chỉ tiêu khối lượng</b>		
1.	Tổng diện tích	ha	5.644,65
1.1.	Diện tích cao su	ha	5.399,08
	<i>Trong đó:</i>		
	- Diện tích cao su khai thác	ha	2.314,98
	+ Diện tích cao su Công ty tự khai thác	ha	2.146,52
	+ Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác	ha	168,46
	- Diện tích cao su KTCB	ha	2.609,17
	- Diện tích cao su tái canh	ha	458,93
1.2.	Diện tích cây lâm nghiệp, rừng cây gỗ lớn	ha	79,10
1.3.	Diện tích khác	ha	166,47
2.	Năng suất cao su	tấn/ha	1,38
	- Năng suất vườn cây cao su Công ty tự khai thác	tấn/ha	1,39
	- Năng suất vườn cây cao su nhượng quyền khai thác	tấn/ha	1,27
3.	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	3.200
	- Sản lượng Công ty tự khai thác	tấn	2.986
	- Sản lượng nhượng bán quyền khai thác	tấn	214
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.500
5.	Chế biến cao su	tấn	4.486
	- Chế biến cao su tự khai thác	tấn	2.986
	- Chế biến cao su thu mua	tấn	1.500



6.	Thu mua cao su thành phẩm	tấn	7.000
7.	Tiêu thụ. Trong đó:	tấn	12.500
	- Sản lượng tồn kho đầu năm	tấn	3.970
	- Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	12.500
	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	5.000
	+ Nội tiêu	tấn	7.500
8.	Sản lượng tồn kho cuối kỳ	tấn	2.956
<b>B.</b>	<b>Chỉ tiêu giá trị</b>		
1.	Tổng doanh thu. Trong đó:	Triệu đồng	614.673
1.1	Sản xuất kinh doanh cao su. Bao gồm:	Triệu đồng	473.832
	+ Doanh thu cao su tự khai thác	Triệu đồng	114.069
	+ Doanh thu cao su thu mua	Triệu đồng	58.763
	+ Doanh thu hàng hóa cao su	Triệu đồng	301.000
1.2	Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	450
1.3	Hoạt động tài chính	Triệu đồng	3.417
1.4	Hoạt động khác. Trong đó:	Triệu đồng	136.974
	+ Thanh lý vườn cây	Triệu đồng	133.714
	+ Nhượng bán quyền khai thác mủ cao su	Triệu đồng	3.260
2.	Tổng chi phí	Triệu đồng	470.883
3.	Lợi nhuận trước thuế. Trong đó:	Triệu đồng	143.790
	- Lợi nhuận cao su tự khai thác và hoạt động tài chính	Triệu đồng	15.046
	- Lợi nhuận cao su thu mua (bao gồm hàng hóa cao su)	Triệu đồng	270
	- Lợi nhuận hoạt động khác	Triệu đồng	128.474
4.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	117.441
5.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	23,39
6.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ báo cáo	%	16,35
7.	Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu	%	7
8.	Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.490
<b>C.</b>	<b>Chỉ tiêu đầu tư</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>89.612</b>
1.	Vốn đầu tư XDCB	Triệu đồng	89.137
	- Xây lắp	Triệu đồng	60.904
	Trong đó: Xây lắp nông nghiệp	Triệu đồng	31.057
	- Thiết bị	Triệu đồng	11.516
	- KTCB khác	Triệu đồng	15.324
	Trong đó: tiền thuê đất vườn cây	Triệu đồng	9.490
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.393
2.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	475

<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>89.612</b>
1.	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	60.740
2.	Quỹ phát triển KH &CN	Triệu đồng	11.595
3.	Vốn vay trong nước	Triệu đồng	17.276

Trường hợp Kế hoạch SXKD có thay đổi, điều chỉnh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp tình hình thực tế.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - HĐQT, BKS, B.TGD Cty;
  - Lưu: VT, TK.HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ TN năm 2023).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua tiền lương, thù lao của**  
**Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  
Công ty cổ phần Cao su Tân Biên

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ Công văn số 762/CSVN-LĐTL ngày 04/04/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ công văn số 204/HĐQTCsvn-TCKT ngày 08/05/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023, như sau:

**1. Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2022:**

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo lợi nhuận (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 được Tập đoàn thỏa thuận	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 đã chi trả	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 còn lại, chưa chi trả
<b>I</b>	<b>Quỹ lương của người quản lý chuyên trách</b>		<b>163.000.000</b>		<b>195.600.000</b>	<b>2.347.200.000</b>	<b>2.215.414.960</b>	<b>131.785.040</b>
1	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	32.000.000	12	38.400.000	460.800.000	434.949.607	25.850.393
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	30.000.000	12	36.000.000	432.000.000	407.603.567	24.396.433
3	Dương Tấn Phong	TV HĐQT-Phó TGD	27.000.000	12	32.400.000	388.800.000	366.930.460	21.869.540
4	Trần Văn Toàn	Phó TGD	26.000.000	12	31.200.000	374.400.000	353.231.749	21.168.251
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000	326.089.901	19.510.099
6	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000	326.609.676	18.990.324
<b>II</b>	<b>Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)</b>		<b>10.200.000</b>			<b>122.400.000</b>	<b>118.718.000</b>	<b>3.672.000</b>



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo lợi nhuận (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 được Tập đoàn thỏa thuận	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 đã chi trả	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 còn lại, chưa chi trả
1	Lâm Thanh Phú	TVHĐQT	2.700.000	12		32.400.000	31.428.000	972.000
2	Đỗ Quốc Tuấn	TVHĐQT độc lập	2.700.000	12		32.400.000	31.428.000	972.000
3	Hoàng Quốc Hưng	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000	27.936.000	864.000
4	Hoàng Văn Vinh	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000	27.936.000	864.000
<b>III</b>	<b>Phụ cấp thư ký HĐQT và công bố thông tin</b>		<b>3.000.000</b>			<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>	
1	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	2.000.000	12		24.000.000	24.000.000	
2	Trần Nguyễn Duy Sinh	CBTT		3		3.000.000	3.000.000	
3	Nguyễn Trần Thiên Phúc	CBTT	1.000.000	9		9.000.000	9.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>176.200.000</b>			<b>2.505.600.000</b>	<b>2.370.142.960</b>	<b>135.457.040</b>

## **2. Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023:**

- Kế hoạch tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, năm 2023: tạm chi trả hàng tháng bằng 80% tiền lương xác định theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Kế hoạch mức chi trả thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023: bằng với mức thực hiện năm 2022, cụ thể như sau:

+ Thành viên HĐQT: 2.700.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS: 2.400.000 đồng/người/tháng.

### Ghi chú:

- Việc xác định mức thù lao, phụ cấp của Người quản lý không chuyên trách sẽ được đảm bảo cân đối trong nội bộ Công ty, theo Hướng dẫn tại Công văn số 1546/CSVN-LĐTL ngày 23/5/2019 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

- Hàng tháng Công ty tạm chi trả mức thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 bằng 80% mức thù lao, phụ cấp được xác định như trên.

- Sau khi Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận sẽ được chi trả đúng mục đích và đúng quy định.

- Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Trân trọng kính trình!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
  - HĐQT, BKS. B.TGD Cty;
  - Lưu VT, TK.HĐQT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2023).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-CSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023**

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty CP cao su Tân Biên

*Căn cứ Văn bản số 1499/CSVN-TCKT ngày 14/05/2021 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm;*

*Căn cứ Danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính ([www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)) tại thời điểm gần nhất;*

*Căn cứ Điều 40 của Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên;*

*Căn cứ Công văn số 204/HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2022 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 - Công ty CP cao su Tân Biên.*

Ban Kiểm soát xin đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023, gồm 03 đơn vị có tên dưới đây:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Tân Biên Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị trên để thực hiện dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023 của Công ty.

2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Văn Sang**



Số: /TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ Tờ trình số 151/TTr-CSTB ngày 15/02/2023 của Tổng giám đốc Công ty CP cao su Tân Biên về việc xin phê duyệt kế hoạch thanh lý tài sản năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-HĐQTCSTB ngày 09/03/2023 của HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên về việc phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản năm 2023.*

Hội đồng quản trị Công ty CP cao su Tân Biên xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 về tình hình thanh lý tài sản năm 2023 theo Quyết định số 38/QĐ-HĐQTCSTB ngày 09/3/2023 của HĐQT Công ty như sau:

**1. Báo cáo thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai theo Quyết định số 38/QĐ-HĐQTCSTB ngày 09/3/2023 của HĐQT Công ty**

Theo kế hoạch thanh lý tài sản năm 2023 tại Quyết định số 38/QĐ-HĐQTCSTB ngày 09/3/2023 của HĐQT Công ty, trong đó: có nội dung thanh lý tài sản cố định là dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai.

Dây chuyền sản xuất phôi chai pet, nước uống đóng chai được Công ty đầu tư và đưa vào hoạt động từ ngày 18/11/2005 với giá trị vốn đầu tư: 11,124 tỷ đồng, giá trị còn lại tại thời điểm hiện nay: 0 đồng (*Ghi chú: đã khấu hao giá trị tài sản hết 100%*). Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phôi chai PET và nước uống đóng chai của Công ty trong 10 năm từ giai đoạn 2013-2022 cho thấy hiệu quả kinh doanh thấp, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư không hiệu quả. Nguyên nhân là do chi phí mua nguyên vật liệu đầu vào cao, sản phẩm không cạnh tranh được về giá bán với các đơn vị khác trên thị trường, dây chuyền sản xuất nước uống đã cũ, đưa vào sử dụng >15 năm, nhiều thiết bị đã xuống cấp và không có đầu tư thêm để bổ sung, cải tiến về mặt công nghệ, hiệu suất nên dẫn đến năng suất hoạt động thấp, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên lớn. Vì vậy, việc tái cơ cấu đối với ngành nghề sản xuất và kinh doanh phôi chai PET, nước uống đóng chai vì hoạt động không hiệu quả là thật sự cần thiết.

Mặc dù hoạt động kinh doanh không hiệu quả, tuy nhiên trong quá trình hoạt động Công ty đã xây dựng được “nhãn hiệu” đối với sản phẩm nước uống

đóng chai với nhãn hiệu “**TABIWA**” trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và được nhiều khách hàng tin tưởng và sử dụng.

Thực hiện kế hoạch thanh lý tài sản năm 2023 theo Quyết định số 38/QĐ-HĐQTCSTB ngày 09/3/2023, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá để xác định giá trị khởi điểm thực hiện chào bán công khai, tuy nhiên việc thẩm định giá trị tài sản làm giá trị khởi điểm chưa có nội dung xác định giá trị nhãn hiệu đối với sản phẩm nước uống đóng chai với nhãn hiệu “**TABIWA**”.

2. Từ tình hình thực tế trên, để đảm bảo việc xác định giá trị tài sản thanh lý đầy đủ (bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản vô hình) làm cơ sở xác định giá trị khởi điểm, nay Hội đồng quản trị báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 chủ trương cho phép tiếp tục thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai với nội dung như sau:

- (i) Giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai (bao gồm xác định giá trị nhãn hiệu đối với sản phẩm nước uống đóng chai với nhãn hiệu “**TABIWA**”).

- (ii) Giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty rà soát, giám ngành nghề kinh doanh sau khi thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai; đồng thời triển khai thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh (nếu có phát sinh).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐTN năm 2023;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## TỜ TRÌNH

### Về việc sử dụng quỹ phúc lợi hỗ trợ cho người lao động

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023  
Công ty Cổ phần cao su Tân Biên

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động ( sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;*

*Căn cứ tình hình SXKD thực tế tại đơn vị năm 2023;*

*Căn cứ Phương án số 505/PA-CSTB-CDCT ngày 22/5/2023 của Tổng Giám đốc Công ty và Công đoàn Công ty về việc hỗ trợ cho Người lao động năm 2023.*

Nhằm khuyến khích, tạo động lực tích cực cho Người lao động hoàn thành kế hoạch năm 2023, góp phần nâng cao thu nhập, tạo điều kiện cho Người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, nay Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt chi Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho Người lao động năm 2023, với các nội dung chính như sau:

**1. Đối tượng hỗ trợ:** Công nhân khai thác mủ cao su, Công nhân chăm sóc, BQL Đội sản xuất, Bảo vệ lô, Công nhân Xí nghiệp CKCB, Bộ phận quản lý phục vụ, cán bộ Công đoàn.

**2. Cách thức hỗ trợ:**

- Căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành, Công ty sẽ hỗ trợ vào đơn giá mủ cao su đối với công nhân khai thác, hỗ trợ thêm vào đơn giá mủ cao su thành phẩm đối với công nhân tại Xí nghiệp CKCB.

- Căn cứ vào tổng sản lượng mủ cao su khai thác của Đội SX, Công ty sẽ cân đối hỗ trợ thêm đơn giá vào sản lượng để hỗ trợ cho Ban quản lý đội và lực lượng bảo vệ lô.

- Căn cứ vào ngày công làm việc thực tế và khối lượng công việc đảm bảo đúng tiến độ được công ty nghiệm thu ( đối với công nhân chăm sóc). Công ty sẽ hỗ trợ thêm ngày công làm việc trong tháng của bộ phận quản lý phục vụ và công nhân chăm sóc.

Ghi chú: Căn cứ vào khối lượng công việc, cường độ lao động, Công ty sẽ cân đối đảm bảo mức hỗ trợ hợp lý giữa các bộ phận, đối tượng.

**3. Mức hỗ trợ:** Tùy vào tình hình thực hiện khai thác, chế biến mủ cao su khai thác, Công ty sẽ cân đối mức hỗ trợ theo sản lượng thực tế.

**4. Thời gian áp dụng:** Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2023.

**5. Nguồn chi hỗ trợ:** Quỹ phúc lợi của Công ty.



Nhằm kịp thời hỗ trợ cho Người lao động đảm bảo ổn định cuộc sống, an tâm lao động sản xuất. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty kể từ năm 2023 được quyền sử dụng Quỹ phúc lợi để chi các khoản nhằm mục đích hỗ trợ Người lao động theo đúng quy chế tài chính. Giao Ban điều hành Công ty cân đối, căn cứ vào khối lượng công việc, cường độ lao động, xây dựng phương án hỗ trợ hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa các bộ phận và trình HĐQT Công ty phê duyệt trước khi thực hiện.

Trân trọng kính trình./.

*Nơi nhận:*

- ĐHCĐTN 2023;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQTCSTB Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 - Công ty CP Cao su Tân Biên

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Công văn số 204/HĐQTCsvn-TCKT ngày 08/5/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên.*

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, với một số nội dung như sau:

<b>Nội dung cũ</b>	<b>Điều chỉnh thành</b>	<b>Căn cứ điều chỉnh</b>
<b>1. Điều chỉnh tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Công ty</b>		
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>dự họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>2. Điều chỉnh tại điểm f điều 21 Điều lệ Công ty:</b>		

Nội dung cũ	Điều chỉnh thành	Căn cứ điều chỉnh
f. Gia hạn hoạt động Công ty	f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>3. Điều chỉnh tại khoản 2 điều 21 Điều lệ Công ty</b>		
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <b>dự họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>4. Sửa đổi, bổ sung:</b>		
<b>4.1. Sửa đổi khoản 7 điều 47 thành khoản 8 điều 47.</b>		
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Công văn số 204/HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su VN.
<b>4.2. Bổ sung khoản 7 điều 47, cụ thể như sau:</b>		
	7. Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau: a. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trong đó, trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. b. Trả cổ tức cho cổ đông. c. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật. d. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	Khoản 17, Điều 2, Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và tinh thần Công văn số 58/HĐQTCSVN-TCNS ngày 17/02/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



Trân trọng kính trình!

***Nơi nhận:***

- Như trên;
  - HĐQT, BKS Công ty;
  - Lưu VT; TK.HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2023).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 - Công ty CP Cao su Tân Biên

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Công văn số 204/HĐQTCsvn-TCKT ngày 08/5/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên.*

HDQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP cao su Tân Biên, với một số nội dung như sau:

Nội dung cũ	Điều chỉnh thành	Căn cứ điều chỉnh
<b>Sửa đổi, bổ sung điều 65 quy chế nội bộ về quản trị:</b>		
<i>(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)</i> Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. <b>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội</b>	Căn cứ Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.

	<b>đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022 và pháp luật có liên quan”.</b>	
--	---	--

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT, BKS, B.TGD Cty;
- Lưu VT; TK.HĐQT.  
(Tài liệu ĐHĐCĐ 2023).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Số: /BB-ĐHĐCĐCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**BIÊN BẢN  
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

**Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - xã Tân Hiệp - huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh**

**Giấy Chứng nhận ĐKDN số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21/12/2009, thay đổi lần thứ bảy, ngày 29/04/2016.**

**Thời gian: 8 giờ 00, thứ sáu, ngày 23 tháng 6 năm 2023.**

**Địa điểm: tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Tổ 2, ấp Thạnh Phú - xã Tân Hiệp - huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**I. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.**

Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên thực hiện nghi thức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:

**1. Về phía Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:**

Ông ..... – ..... Tập đoàn CNCSVN.

**2. Đại diện cổ đông chiến lược:**

Ông ..... - Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh.

**3. Về phía Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:**

- Bà Lê Thị Bích Lợi - Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông Trương Văn Cư - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.
- Ông Dương Tấn Phong - Thành viên HĐQT, P.Tổng Giám đốc Công ty.
- Ông Nguyễn Văn Sang - Trưởng Ban kiểm soát.
- Cùng các đại biểu là Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các đơn vị trực thuộc cùng các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

**II. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Văn Sang – Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ 482 cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến 16 giờ 00 phút, ngày 18/5/2023, sở hữu 87.945.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên .
- Cổ đông tham dự Đại hội:..... cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho ..... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

### **III. Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm phiếu.**

#### **1. Đoàn Chủ tịch:**

Bà Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Văn Cư	TV.HĐQT-TGD
Ông Dương Tấn Phong	TV.HĐQT- Phó TGD Cty.

#### **2. Ban Thư ký:**

Ông Trần Nguyễn Duy Sinh	Phó Trưởng phòng TCKT
Ông Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT

#### **3. Ban Kiểm Phiếu:**

Ông Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng Công ty.
Ông Huỳnh Duy Hiên	Trưởng phòng KHĐT
Ông Tô Minh Trường	Trưởng phòng TTBV
Bà Phạm Hạ Khuyên	Nhân viên phòng TCHC
Bà Nguyễn Trần Thiên Phúc	Nhân viên Phòng TCKT

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu.

### **IV. Giới thiệu Chương trình Đại hội**

Người thực hiện: Ông Dương Tấn Phong – Chức vụ: Thành viên Đoàn Chủ tịch

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

### **V. Thông qua Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2023**

Người trình bày: Bà Lê Thị Bích Lợi – Chức vụ: Chủ tịch đoàn.

Đại hội nhất trí thông qua Quy chế làm việc Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

## **PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

1. Thông qua Báo cáo quản trị Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng năm 2023 - Người trình bày: **Bà Lê Thị Bích Lợi** – Chủ tịch HĐQT.

2. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 - Người trình bày: **Ông Nguyễn Văn Sang** – Trưởng Ban kiểm soát.

3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và phương hướng kế hoạch năm 2023 của Ban Tổng Giám đốc - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

4. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

5. Thông qua Tờ trình thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023- Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

6. Thông qua Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

8. Thông qua Tờ trình xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất chai PET, nước uống đóng chai. - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

9. Thông qua Tờ trình về việc sử dụng Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho người lao động - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

10. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

11. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Người trình bày: **Ông Trương Văn Cư** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

### **PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:**

Phát biểu của Đại diện Cổ đông lớn – Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam:

### **PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT**

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua với các nội dung như sau:

**Nội dung 1: Thông qua Báo cáo quản trị Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng năm 2023:**

#### **Phần biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.



- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023.**

**Phần biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023:**

**Phần biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

**a. Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2022:** Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty đã được đăng tải trên website của Công ty [www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn) và công bố thông tin theo đúng quy định.

**Phần biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**b. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:**

*đvt: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận được phân phối</b>	<b>157.203.719.700</b>
1	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối đến 31/12/2022	49.833.702.982
2	Lợi nhuận phát sinh năm 2022	107.370.016.718
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận (1+2+3)</b>	<b>154.695.013.000</b>
<b>1</b>	<b>Chia cổ tức (16,5%/VDL). Trong đó:</b>	<b>145.109.250.000</b>
1.1	Đã tạm chia trong năm 2022 (5%)	43.972.500.000
1.2	Chia thêm (11,5%)	101.136.750.000
<b>2</b>	<b>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>9.376.963.000</b>
	Trích quỹ khen thưởng (10%)	937.696.300
	Trích quỹ phúc lợi (90%)	8.439.266.700
<b>3</b>	<b>Trích quỹ thưởng người quản lý</b>	<b>208.800.000</b>

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	2.508.706.700

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 5: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

Kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

<b>A.</b>	<b>Chỉ tiêu khối lượng</b>		
1.	Tổng diện tích	ha	5.644,65
1.1.	Diện tích cao su	ha	5.399,08
	<i>Trong đó:</i>		
	- Diện tích cao su khai thác	ha	2.314,98
	+ Diện tích cao su Công ty tự khai thác	ha	2.146,52
	+ Diện tích cao su nhượng bán quyền khai thác	ha	168,46
	- Diện tích cao su KTCB	ha	2.609,17
	- Diện tích cao su tái canh	ha	458,93
1.2.	Diện tích cây lâm nghiệp, rừng cây gỗ lớn	ha	79,10
1.3.	Diện tích khác	ha	166,47
2.	Năng suất cao su	tấn/ha	1,38
	- Năng suất vườn cây cao su Công ty tự khai thác	tấn/ha	1,39
	- Năng suất vườn cây cao su nhượng quyền khai thác	tấn/ha	1,27
3.	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	3.200
	- Sản lượng Công ty tự khai thác	tấn	2.986
	- Sản lượng nhượng bán quyền khai thác	tấn	214
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.500
5.	Chế biến cao su	tấn	4.486
	- Chế biến cao su tự khai thác	tấn	2.986
	- Chế biến cao su thu mua	tấn	1.500
6.	Thu mua cao su thành phẩm	tấn	7.000
7.	Tiêu thụ. <i>Trong đó:</i>	tấn	12.500
	- Sản lượng tồn kho đầu năm	tấn	3.970
	- Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	12.500
	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	5.000
	+ Nội tiêu	tấn	7.500
8.	Sản lượng tồn kho cuối kỳ	tấn	2.956
<b>B.</b>	<b>Chỉ tiêu giá trị</b>		
1.	Tổng doanh thu. <i>Trong đó:</i>	Triệu đồng	614.673
1.1	Sản xuất kinh doanh cao su. <i>Bao gồm:</i>	Triệu đồng	473.832

	+ Doanh thu cao su tự khai thác	Triệu đồng	114.069
	+ Doanh thu cao su thu mua	Triệu đồng	58.763
	+ Doanh thu hàng hóa cao su	Triệu đồng	301.000
1.2	Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	450
1.3	Hoạt động tài chính	Triệu đồng	3.417
1.4	Hoạt động khác. Trong đó:	Triệu đồng	136.974
	+ Thanh lý vườn cây	Triệu đồng	133.714
	+ Nhượng bán quyền khai thác mủ cao su	Triệu đồng	3.260
2.	Tổng chi phí	Triệu đồng	470.883
3.	Lợi nhuận trước thuế. Trong đó:	Triệu đồng	143.790
	- Lợi nhuận cao su tự khai thác và hoạt động tài chính	Triệu đồng	15.046
	- Lợi nhuận cao su thu mua (bao gồm hàng hóa cao su)	Triệu đồng	270
	- Lợi nhuận hoạt động khác	Triệu đồng	128.474
4.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	117.441
5.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	23,39
6.	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL cuối kỳ báo cáo	%	16,35
7.	Tỷ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu) tối thiểu	%	7
8.	Nộp ngân sách	Triệu đồng	60.490
<b>C.</b>	<b>Chỉ tiêu đầu tư</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng nhu cầu vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>89.612</b>
1.	Vốn đầu tư XDCB	Triệu đồng	89.137
	- Xây lắp	Triệu đồng	60.904
	Trong đó: Xây lắp nông nghiệp	Triệu đồng	31.057
	- Thiết bị	Triệu đồng	11.516
	- KTCB khác	Triệu đồng	15.324
	Trong đó: tiền thuê đất vườn cây	Triệu đồng	9.490
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.393
2.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	475
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>89.612</b>
1.	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	60.740
2.	Quỹ phát triển KH &CN	Triệu đồng	11.595
3.	Vốn vay trong nước	Triệu đồng	17.276

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch sản xuất năm 2023 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận giao kế hoạch chính thức.

#### **Phân biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.



- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 6: Thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023.**

**1. Tiền lương và thù lao của Người quản lý năm 2022:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo lợi nhuận (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 được Tập đoàn thỏa thuận
<b>I</b>	<b>Quỹ lương của người quản lý chuyên trách</b>		<b>163.000.000</b>		<b>195.600.000</b>	<b>2.347.200.000</b>
1	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	32.000.000	12	38.400.000	460.800.000
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT- TGD	30.000.000	12	36.000.000	432.000.000
3	Dương Tấn Phong	TV HĐQT- Phó TGD	27.000.000	12	32.400.000	388.800.000
4	Trần Văn Toàn	Phó TGD	26.000.000	12	31.200.000	374.400.000
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
6	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
<b>II</b>	<b>Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)</b>		<b>10.200.000</b>			<b>122.400.000</b>
1	Lâm Thanh Phú	TV HĐQT	2.700.000	12		32.400.000
2	Đỗ Quốc Tuấn	TV HĐQT độc lập	2.700.000	12		32.400.000
3	Hoàng Quốc Hưng	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
4	Hoàng Văn Vinh	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
<b>III</b>	<b>Phụ cấp thư ký HĐQT và công bố thông tin</b>		<b>3.000.000</b>			<b>36.000.000</b>
1	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	2.000.000	12		24.000.000
2	Trần Nguyễn Duy Sinh	CBTT	1.000.000	3		3.000.000
3	Nguyễn Trần Thiên Phúc	CBTT	1.000.000	9		9.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>176.200.000</b>			<b>2.505.600.000</b>

**2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2023:**

- Kế hoạch tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, năm 2023: tạm chi trả hàng tháng bằng 80% tiền lương xác định theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Kế hoạch mức chi trả thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023: bằng với mức thực hiện năm 2022, cụ thể như sau:

- + Thành viên HĐQT: 2.700.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên BKS: 2.400.000 đồng/người/tháng.

Ghi chú:

- Việc xác định mức thù lao, phụ cấp của Người quản lý không chuyên trách sẽ được đảm bảo cân đối trong nội bộ Công ty, theo Hướng dẫn tại Công văn số 1546/CSVN-LĐTL ngày 23/5/2019 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

- Hàng tháng Công ty tạm chi trả mức thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 bằng 80% mức thù lao, phụ cấp được xác định như trên.

- Sau khi Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận sẽ được chi trả đúng mục đích và đúng quy định.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

**Phản biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 7: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 đơn vị kiểm toán trong 03 đơn vị sau để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Đồng thời ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

**Phản biểu quyết:**

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 8: Thông qua Tờ trình xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai.**

- ĐHĐCĐ giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty thực hiện thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai (bao gồm xác định giá trị nhãn hiệu đối với sản phẩm nước uống đóng chai với nhãn hiệu “TABIWA”).

- ĐHĐCĐ giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty rà soát, giám ngành nghề kinh doanh sau khi thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai; đồng thời triển khai thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh (nếu có phát sinh).

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 9: Thông qua Tờ trình về việc sử dụng Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho người lao động**

- ĐHĐCĐ thống nhất theo Tờ trình số /TTr-HĐQTCSTB ngày 23/6/2023 của HĐQT Công ty CP cao su Tân Biên.

- ĐHĐCĐ thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty kể từ năm 2023 được quyền sử dụng Quỹ phúc lợi để chi các khoản nhằm mục đích hỗ trợ Người lao động theo đúng quy chế tài chính. Giao Ban điều hành Công ty cân đối, căn cứ vào khối lượng công việc, cường độ lao động, xây dựng phương án hỗ trợ hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa các bộ phận và trình HĐQT Công ty phê duyệt trước khi thực hiện.

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 10: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.**

Nội dung cũ	Điều chỉnh thành	Căn cứ điều chỉnh
<b>1. Điều chỉnh tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Công ty</b>		
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>dự họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>2. Điều chỉnh tại điểm f điều 21 Điều lệ Công ty:</b>		



Nội dung cũ	Điều chỉnh thành	Căn cứ điều chỉnh
f. Gia hạn hoạt động Công ty	f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>3. Điều chỉnh tại khoản 2 điều 21 Điều lệ Công ty</b>		
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <b>dự họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</b> , trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Căn cứ điều chỉnh: - Căn cứ khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.
<b>4. Sửa đổi, bổ sung:</b>		
<b>4.1. Sửa đổi khoản 7 điều 47 thành khoản 8 điều 47.</b>		
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	<b>8.</b> Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Công văn số 204/HĐQTCSVN-TCKT ngày 08/5/2023 của Tập đoàn Công nghiệp cao su VN.
<b>4.2. Bổ sung khoản 7 điều 47, cụ thể như sau:</b>		
	7. Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau: a. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trong đó, trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp. b. Trả cổ tức cho cổ đông. c. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật. d. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	Khoản 17, Điều 2, Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ và tinh thần Công văn số 58/HĐQTCSVN-TCNS ngày 17/02/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN.

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi,** bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Nội dung cũ	Điều chỉnh thành	Căn cứ điều chỉnh
<b>Sửa đổi, bổ sung điều 65 quy chế nội bộ về quản trị:</b>		
<p><i>(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)</i></p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <b>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</b> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 64 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. <b>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022 và pháp luật có liên quan”.</b></p>	<p>Căn cứ Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 11/01/2022.</p>

- Tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm..... % số cổ phần có quyền biểu quyết.

## **PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

Người trình bày: Ông Tô Minh Tài đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được Công bố thông tin theo quy định và lưu tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Đại hội kết thúc 11 giờ 15 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỌA**



Số: /NQ-ĐHĐCĐCSTB

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**  
**Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/6/2022;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ngày 23/6/2023.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2023. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát năm 2023. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Ban điều hành Công ty.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

**Điều 3.** Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty CP cao su Tân Biên. ( đính kèm Kế hoạch SXKD năm 2023).

**Điều 4.** Thông qua tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023.

**a. Tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2022:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo lợi nhuận (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 được Tập đoàn thỏa thuận
<b>I</b>	<b>Quỹ lương của người quản lý chuyên trách</b>		<b>163.000.000</b>		<b>195.600.000</b>	<b>2.347.200.000</b>
1	Lê Thị Bích Lợi	Chủ tịch HĐQT	32.000.000	12	38.400.000	460.800.000
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	30.000.000	12	36.000.000	432.000.000

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương cơ bản (Phụ lục 2, QĐ 107)	Số tháng công tác	Tiền lương tăng theo lợi nhuận (tăng so với TLKH 20%)	Quỹ tiền lương thực hiện và thù lao, phụ cấp năm 2022 được Tập đoàn thỏa thuận
3	Dương Tấn Phong	TV HĐQT- Phó TGD	27.000.000	12	32.400.000	388.800.000
4	Trần Văn Toàn	Phó TGD	26.000.000	12	31.200.000	374.400.000
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
6	Lâm Quang Phúc	Kế toán trưởng	24.000.000	12	28.800.000	345.600.000
<b>II</b>	<b>Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)</b>		<b>10.200.000</b>			<b>122.400.000</b>
1	Lâm Thanh Phú	TV HĐQT	2.700.000	12		32.400.000
2	Đỗ Quốc Tuấn	TV HĐQT độc lập	2.700.000	12		32.400.000
3	Hoàng Quốc Hưng	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
4	Hoàng Văn Vinh	TV.BKS	2.400.000	12		28.800.000
<b>III</b>	<b>Phụ cấp thư ký HĐQT và công bố thông tin</b>		<b>3.000.000</b>			<b>36.000.000</b>
1	Tô Minh Tài	Thư ký HĐQT	2.000.000	12		24.000.000
2	Trần Nguyễn Duy Sinh	CBTT	1.000.000	3		3.000.000
3	Nguyễn Trần Thiên Phúc	CBTT	1.000.000	9		9.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>176.200.000</b>			<b>2.505.600.000</b>

#### **b. Kế hoạch tiền lương năm 2023:**

- Kế hoạch tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, năm 2023: tạm chi trả hằng tháng bằng 80% tiền lương xác định theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 107/QĐ-HĐQTCSVN ngày 26/03/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Kế hoạch mức chi trả thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023: bằng với mức thực hiện năm 2022, cụ thể như sau:

+ Thành viên HĐQT: 2.700.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS: 2.400.000 đồng/người/tháng.

#### Ghi chú:

- Việc xác định mức thù lao, phụ cấp của Người quản lý không chuyên trách sẽ được đảm bảo cân đối trong nội bộ Công ty, theo Hướng dẫn tại Công văn số 1546/CSVN-LDTL ngày 23/5/2019 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

- Hàng tháng Công ty tạm chi trả mức thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 bằng 80% mức thù lao, phụ cấp được xác định như trên.

- Sau khi Kế hoạch tiền lương, thù lao, phụ cấp của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận sẽ được chi trả đúng mục đích và đúng quy định.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2023 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

**Điều 5.** ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 đơn vị kiểm toán trong 03 đơn vị sau để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
3. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam;

Đồng thời Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình xin chủ trương thanh lý tài sản dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất:

- Giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai (bao gồm xác định giá trị nhãn hiệu đối với sản phẩm nước uống đóng chai với nhãn hiệu “TABIWA”).

- Giao và ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty rà soát, giảm ngành nghề kinh doanh sau khi thanh lý tài sản đối với dây chuyền sản xuất phôi chai PET, nước uống đóng chai; đồng thời triển khai thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh (nếu có phát sinh).

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình sử dụng Quỹ phúc lợi hỗ trợ cho người lao động năm 2023 đồng thời giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty kể từ năm 2023 được quyền sử dụng Quỹ phúc lợi để chi các khoản nhằm mục đích hỗ trợ Người lao động theo đúng quy chế tài chính. Giao Ban điều hành Công ty cân đối, căn cứ vào khối lượng công việc, cường độ lao động, xây dựng phương án hỗ trợ hợp lý, đảm bảo hài hòa giữa các bộ phận và trình HĐQT Công ty phê duyệt trước khi thực hiện.

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cao su Tân Biên.

**Điều 9.** Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Nghị quyết này đã được đọc toàn văn trước cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên ngày 23/6/2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Giao Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua tại Nghị quyết này và công bố thông tin theo đúng quy định.

***Nơi nhận:***

- Cổ đông RTB;
- HĐQT, BKS, B.TGD;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH ĐOÀN**